BỘ NGOẠI GIAO	CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Số: 05/2021/TB-LPQT	Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Hà Nội, ngày 04 tháng 02 năm 2021

THÔNG BÁO
Về việc điều ước quốc tế có hiệu lực

Thực hiện quy định tại Điều 56 của Luật Điều ước quốc tế năm 2016, Bộ Ngoại giao trân trọng thông báo:

Hiệp định tương trợ tư pháp về hình sự giữa nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam và nước Cộng hòa dân chủ nhân dân Lào, ký tại Viêng chăn ngày 08 tháng 01 năm 2020, có hiệu lực từ ngày 18 tháng 02 năm 2021.

Bộ Ngoại giao trân trọng gửi văn bản Hiệp định theo quy định tại Điều 59 của Luật nêu trên./.

TL. BỘ TRƯỞNG
KT. VỤ TRƯỞNG VỤ LUẬT PHÁP
VÀ ĐIỀU ƯỚC QUỐC TẾ
PHÓ VỤ TRƯỞNG

Nguyễn Văn Ngự

THOẢ THUẬN

GIỮA CHÍNH PHỦ
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
VÀ CHÍNH PHỦ
NƯỚC CỘNG HÒA DÂN CHỦ NHÂN DÂN LÀO
VỀ
QUY CHẾ TÀI CHÍNH VÀ QUẢN LÝ SỬ DỤNG
VỐN VIỆN TRỢ KHÔNG HOÀN LẠI
CỦA CHÍNH PHỦ VIỆT NAM
DÀNH CHO CHÍNH PHỦ LÀO

Hà Nội, ngày 06 tháng 12 năm 2020

THOẢ THUẬN
GIỮA
CHÍNH PHỦ NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
VÀ
CHÍNH PHỦ NƯỚC CỘNG HOÀ DÂN CHỦ NHÂN DÂN LÀO
VỀ
QUY CHẾ TÀI CHÍNH VÀ QUẢN LÝ SỬ DỤNG VỐN VIỆN TRỢ KHÔNG HOÀN LẠI CỦA CHÍNH PHỦ VIỆT NAM DÀNH CHO CHÍNH PHỦ LÀO

Chính phủ nước Cộng hoà Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam (sau đây gọi là Chính phủ Việt Nam) và Chính phủ nước Cộng hoà Dân chủ nhân dân Lào (sau đây gọi là Chính phủ Lào), sau đây gọi chung là hai Bên;

Nhằm đảm bảo việc quản lý và sử dụng có hiệu quả nguồn vốn viện trợ của Chính phủ Việt Nam dành cho Chính phủ Lào, góp phần thúc đẩy và mở rộng quan hệ hợp tác giữa hai nước, hai Bên đã thoả thuận như sau:

Chương I

QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Giải thích từ ngữ

Trong Thoả thuận này, các từ ngữ dưới đây được hiểu như sau:

1. "Vốn viện trợ" là các khoản viện trợ không hoàn lại của Chính phủ Việt Nam dành cho Chính phủ Lào.

2. "Chủ dự án Lào" là các Bộ, địa phương, cơ quan nhà nước được Chính phủ Lào giao nhiệm vụ phối hợp với Chủ dự án Việt Nam thực hiện, tiếp nhận và quản lý dự án sử dụng vốn viện trợ của Chính phủ Việt Nam dành cho Chính phủ Lào.

3. "Chủ dự án Việt Nam" là các Bộ, địa phương, cơ quan nhà nước được Chính phủ Việt Nam giao nhiệm vụ phối hợp với Chủ dự án Lào thực hiện các dự án sử dụng vốn viện trợ của Chính phủ Việt Nam dành cho Chính phủ Lào.

4. "Lưu học sinh" là cán bộ, học sinh, sinh viên Lào vào Việt Nam học tập theo Thoả thuận hợp tác hằng năm giữa Chính phủ Việt Nam và Chính phủ Lào.

Điều 2. Lĩnh vực được sử dụng vốn viện trợ

Vốn viện trợ được sử dụng cho các lĩnh vực sau:

1. Các dự án đầu tư xây dựng tại Lào;

2. Đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, học sinh, sinh viên Lào học tập tại Việt Nam hoặc học tập tại Lào;

3. Các dự án hỗ trợ kỹ thuật nhằm nâng cao năng lực, tăng cường thể chế.

4.Các lĩnh vực khác do Chính phủ hai Bên xem xét quyết định.

Điều 3. Nguyên tắc bố trí, quản lý và sử dụng vốn viện trợ

1. Vốn viện trợ của Chính phủ Việt Nam cho Chính phủ Lào do hai Bên thống nhất tại Thoả thuận hợp tác giai đoạn 05 năm và Thỏa thuận hợp tác hàng năm; phù hợp với ưu tiên hợp tác của Chính phủ Việt Nam và Chính phủ Lào trong từng thời kỳ và khả năng ngân sách của Chính phủ Việt Nam và phù hợp với dự toán chi viện trợ do Quốc hội Việt Nam quyết định.

2. Việc quản lý, sử dụng vốn viện trợ phải tuân thủ quy định pháp luật hai Bên và đảm bảo công khai, minh bạch.

3. Chính phủ Lào bố trí đầy đủ, kịp thời vốn đối ứng, vốn cho duy tu bảo dưỡng theo văn kiện dự án được phê duyệt để đảm bảo hiệu quả sử dụng vốn viện trợ;

4. Vốn viện trợ không được sử dụng để chi trả hoặc thanh toán cho các khoản chi phí sau:

a. Các khoản thuế, phí, lệ phí đánh trên hàng hoá,dịch vụ, công trình, chủ dự án, nhà thầu và cá nhân liên quan đến thực hiện dự án viện trợ dưới bất kỳ hình thức nào theo luật pháp của Lào;

b. Chi phí bồi thường, giải phóng mặt bằng;

c. Các khoản chi quản lý dự án của Bên Lào như: chi hành chính, chi lương, phụ cấp lương và các phụ cấp khác (nếu có);

d. Chi phí vận hành, duy tu bảo dưỡng các công trình, dự án sử dụng vốn viện trợ;

đ. Các lĩnh vực khác do Chính phủ hai Bên xem xét, quyết định;

5. Các khoản viện trợ chuyển cho phía Lào tự thực hiện áp dụng theo thỏa thuận riêng được Chính phủ hai Bên ký kết.

Điều 4. Bố trí vốn viện trợ trong Thoả thuận hợp tác 05 năm và Thoả thuận hợp tác hằng năm

1. Bố trí vốn viện trợ trong Thoả thuận hợp tác 05 năm

a. Việc bố trí vốn viện trợ trong Thoả thuận hợp tác 05 năm phù hợp với pháp luật về ngân sách và kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội của Việt Nam và Lào cho mỗi thời kỳ 05 năm tương ứng.

b. Việc bố trí vốn viện trợ trong Thoả thuận hợp tác 05 năm được căn cứ vào tình hình thực hiện viện trợ của giai đoạn 05 năm trước; ưu tiên hợp tác giữa Chính phủ Việt Nam và Chính phủ Lào trong 05 năm tiếp theo, khả năng ngân sách của Chính phủ Việt Nam và căn cứ các Thoả thuận của Lãnh đạo cấp cao của hai Bên.

c. Bộ Tài chính Việt Nam phối hợp với Bộ Tài chính Lào thực hiện tổng kết đánh giá việc thực hiện viện trợ của Chính phủ Việt Nam cho Chính phủ Lào giai đoạn 05 năm trước và dự kiến tổng mức viện trợ cho giai đoạn 05 năm tiếp theo; báo cáo Chính phủ mỗi Bên để đưa vào Thoả thuận hợp tác 05 năm.

2. Bố trí vốn viện trợ trong Thoả thuận hợp tác hằng năm

a. Việc bố trí vốn viện trợ trong Thoả thuận hợp tác hằng năm được căn cứ vào Thoả thuận hợp tác 05 năm; tình hình thực hiện vốn viện trợ năm trước và khả năng bố trí vốn ngân sách năm kế hoạch của Chính phủ Việt Nam.

b. Bộ Tài chính mỗi Bên đánh giá việc thực hiện vốn viện trợ của Chính phủ Việt Nam, vốn đối ứng của Chính phủ Lào của năm trước; dự kiến tổng mức vốn viện trợ, vốn đối ứng của năm kế hoạch, báo cáo Chính phủ mỗi Bên quyết định để đưa vào dự toán ngân sách nhà nước Việt Nam, cũng như dự toán ngân sách Lào theo quy định của mỗi Bên.

c. Việc bố trí vốn viện trợ theo tứ tự ưu tiên dành cho đào tạo, các dự án sẽ hoàn thành trong năm kế hoạch, các dự án chuyển tiếp theo Thoả thuận hợp tác hằng năm. Trường hợp có nhu cầu đào tạo đột xuất, phát sinh dự án nằm ngoài Thoả thuận hợp tác hằng năm, Thủ tướng Chính phủ hai Bên thống nhất chủ trương thực hiện căn cứ mức bố trí vốn trong Thoả thuận hợp tác hằng năm.

3. Chuyển nguồn vốn viện trợ hàng năm

Các khoản dự toán vốn viện trợ hàng năm chưa thực hiện hết được chuyển sang năm sau thực hiện theo quy định của Luật Đầu tư công và Luật Ngân sách nhà nước của Việt Nam.

Chương II

QUẢN LÝ VỐN VIỆN TRỢ CHO ĐÀO TẠO

Điều 5. Xây dựng chỉ tiêu và dự toán đào tạo

1. Trước ngày 20 tháng 07 hằng năm, Bộ Giáo dục và Đào tạo Việt Nam, Bộ Quốc phòng Việt Nam, Bộ Công an Việt Nam trao đổi, thống nhất với các cơ quan liên quan của Làovề chỉ tiêu đào tạo, cơ cấu chỉ tiêu theo ngành học cho năm tiếp theo. Chỉ tiêu đào tạo bao gồm các nội dung:

a. Đào tạo tiếng Việt tại Lào.

b. Đào tạo dài hạn theo bậc: cao đẳng, đại học, thạc sỹ, tiến sỹ ở Việt Nam.

c. Đào tạo, tập huấn ngắn hạn tại Việt Nam

2. Trên cơ sở chỉ tiêu đào tạo mới, số lượng lưu học sinh đang học tập tại Việt Nam chuyển sang học năm học tiếp theo và định mức chi đào tạo, Bộ Giáo dục và Đào tạo Việt Nam, Bộ Quốc phòng Việt Nam, Bộ Công an Việt Nam và các Bộ, cơ quan trung ương, địa phương xây dựng dự toán kinh phí chi đào tạo gửi Bộ Kế hoạch và Đầu tư Việt Nam đồng gửi Bộ Tài chính.

3. Trên cơ sở tổng mức dự toán viện trợ được Quốc hội phê duyệt, Bộ Kế hoạch và Đầu tư Việt Nam tổng hợp đưa vào nội dung kỳ họp Ủy ban liên Chính phủ hằng năm, trình Thủ tướng Chính phủ hai Bên xem xét, quyết định.

4. Bộ Kế hoạch và Đầu tư Việt Nam thông báo chỉ tiêu, dự toán viện trợ cho đào tạo cho các Bộ, cơ quan trung ương và địa phương đồng gửi Bộ Tài chính trong vòng 30 ngày sau khi Thủ tướng Chính phủ Việt Nam phê duyệt kết quả kỳ họp Ủy ban liên Chính phủ.

5. Trường hợp có nhu cầu đào tạo đột xuất ngoài Thoả thuận hợp tác hằng năm, Bộ Giáo dục và Đào tạo Việt Nam, Bộ Quốc phòng Việt Nam, Bộ Công an Việt Nam, các Bộ, ngành, cơ quan trung ương, địa phương của Việt Nam trao đổi với các cơ quan của phía Lào, gửi Bộ Kế hoạch và Đầu tư Việt Nam tổng hợp để báo cáo Thủ tướng Chính phủ Việt Nam quyết định trong phạm vi tổng mức viện trợ cho đào tạo được phê duyệt.

Điều 6. Phân bổ chỉ tiêu đào tạo

1. Căn cứ vào Thoả thuận hợp tác hằng năm được được ký giữa hai Bên:

a. Bộ Giáo dục và Đào tạo Việt Nam thông báo chỉ tiêu đào tạo cho các Bộ, ngành, cơ quan trung ương, địa phương của Việt (trừ các chỉ tiêu đào tạo thuộc Bộ Quốc phòng Việt Nam và Bộ Công an Việt Nam).

b. Phía Lào thông báo cho các Bộ, ngành, cơ quan trung ương của phía Lào về chỉ tiêu và nhiệm vụ đào tạo theo các nội dung quy định tại Khoản 1 Điều 5.

2. Căn cứ vào thông báo chỉ tiêu đào tạo được Bộ Giáo dục và Đào tạo Việt Nam và Bộ Giáo dục và thể thao Lào thông báo, các Bộ ngành địa phương hai bên phối hợp tổ chức tuyển sinh, tiếp nhận đào tạo lưu học sinh theo quy định đảm bảo chất lượng, yêu cầu đào tạo.

Điều 7. Kinh phí hỗ trợ đào tạo tiếng Việt tại Lào cho lưu học sinh Lào chuẩn bị sang học tại Việt Nam

1. Kinh phí hỗ trợ đào tạo tiếng Việt tại Lào cho lưu học sinh Lào chuẩn bị sang học tại Việt Nam được Bộ Tài chính Việt Nam chuyển cho Bộ Giáo dục và Thể thao Lào để thực hiện trên cơ sở dự toán hằng năm và báo cáo tình hình sử dụng kinh phí năm kế trước của Bộ Giáo dục và Thể thao Lào.

2. Về quản lý sử dụng và quyết toán kinh phí kinh phí hỗ trợ đào tạo tiếng Việt tại Lào cho lưu học sinh Lào chuẩn bị sang học tại Việt Nam

a. Bộ Giáo dục và Thể thao Lào tổ chức đào tạo tiếng Việt cho lưu học sinh tại Lào và cấp phát kinh phí theo quy định của Lào.

b. Trước ngày 31 tháng 12 hằng năm, Bộ Giáo dục và Thể thao Lào có báo cáo tình hình sử dụng kinh phí đào tạo tiếng Việt cho lưu học sinh Lào gửi Bộ Tài chính và Bộ Giáo dục đào tạo Việt Nam để phối hợp, theo dõi.

CHƯƠNG III

QUẢN LÝ VỐN VIỆN TRỢ CHO DỰ ÁN

Điều 8. Đề xuất chủ trương đầu tư dự án viện trợ (có hợp phần xây dựng)

1. Đề xuất chủ trương đầu tư dự án viện trợ

a. Trường hợp Bên Việt Nam đề xuất dự án viện trợ

- Căn cứ Thỏa thuận hợp tác 5 năm, Thỏa thuận hợp tác hằng năm giữa hai Chính phủ, Bộ, ngành cơ quan trung ương địa phương Việt Nam thống nhất lập hồ sơ đề xuất chủ trương đầu tư đối với các dự án viện trợ báo cáo Ủy ban hợp tác Lào – Việt Nam, tổng hợp báo cáo Chính phủ Lào xem xét, quyết định.

- Trên cơ sở ý kiến của Thủ tướng Chính phủ Lào, không muộn hơn 90 ngày trước kỳ họp Ủy ban liên chính phủ Uỷ ban hợp tác Lào -Việt Nam có ý kiến đề xuất gửi Ủy ban hợp tác Việt Nam - Lào.

- Trên cơ sở đề xuất chính thức của phía Lào, Bộ Kế hoạch và Đầu tư Việt Nam xin ý kiến các cơ quan liên quan (Bộ Tài chính, Văn phòng Chính phủ, Cơ quan quản lý chuyên ngành) trình Thủ tướng Chính phủ Việt Nam

xem xét, quyết định đưa vào trao đổi tại kỳ họp Uỷ ban Liên Chính phủ 2 nước.

b. Trường hợp Bên Lào đề xuất dự án viện trợ:

- Không muộn hơn 90 ngày trước kỳ họp Ủy ban liên chính phủ, Uỷ ban hợp tác Lào -Việt Nam có ý kiến đề xuất gửi Ủy ban hợp tác Việt Nam - Lào.

- Bộ Kế hoạch và Đầu tư Việt Nam xin ý kiến các cơ quan liên quan Việt Nam (Bộ Tài chính, Văn phòng Chính phủ, Cơ quan quản lý chuyên ngành) trình Thủ tướng Chính phủ Việt Nam giao cho một cơ quan Bên Việt Nam chủ trì, phối hợp với cơ quan đối tác Bên Lào lập đề xuất chủ trương đầu tư dự án viện trợ.

2. Đề xuất chủ trương đầu tư dự án viện trợ gồm các nội dung sau:

a. Sự cần thiết đầu tư, các điều kiện để thực hiện đầu tư, đánh giá về sự phù hợp với quy hoạch, kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội, phát triển ngành tại Lào.

b. Tên chủ dự án phía Lào và tên chủ dự án phía Việt Nam.

c. Mục tiêu, quy mô, địa điểm và phạm vi đầu tư.

d. Sơ bộ tổng mức đầu tư và cơ cấu nguồn vốn (viện trợ của Chính phủ Việt Nam, vốn đối ứng của Chính phủ Lào).

e. Dự kiến tiến độ triển khai thực hiện đầu tư phù hợp với điều kiện thực tế và khả năng bố trí nguồn vốn của hai Bên.

f. Xác định sơ bộ chi phí liên quan trong quá trình thực hiện và chi phí vận hành dự án sau khi hoàn thành.

g. Phân tích, đánh giá sơ bộ tác động về môi trường, xã hội; xác định sơ bộ hiệu quả đầu tư về kinh tế - xã hội.

h. Các giải pháp tổ chức thực hiện.

i. Nhu cầu sử dụng đất và tài nguyên.

j. Phương án thiết kế sơ bộ về xây dựng, thuyết minh, công nghệ, kỹ thuật và thiết bị phù hợp.

3. Bộ Kế hoạch và Đầu tư Việt Nam lấy ý kiến các cơ quan Bên Việt Nam (Văn phòng Chính phủ, Bộ Tài chính, cơ quan quản lý chuyên ngành) trình Thủ tướng Chính phủ Việt Nam xem xét, quyết định phê duyệt đề xuất chủ trương đầu tư dự án viện trợ để đưa vào nội dung kỳ họp Ủy ban liên Chính phủ.

Điều 9. Chuẩn bị dự án đầu tư

1. Đối với các dự án được hai Bên thống nhất về danh mục dự án mới và chủ dự án. Chủ dự án Việt Nam phối hợp với Chủ dự án Lào lập văn kiện dự án (Báo cáo nghiên cứu khả thi).

2. Chủ dự án Việt Nam được bố trí kinh phí viện trợ để lập văn kiện dự án; kinh phí lập văn kiện dự án được tính trong tổng mức đầu tư dự án.

3. Thủ tục và chi phí lập văn kiện dự án áp dụng theo quy định của pháp luật Việt Nam về xây dựng. Đối với Thuyết minh dự án và Thiết kế cơ sở cần làm rõ các nội dung như quy định tại Phụ lục I.

4. Thời gian lập văn kiện dự án tối đa là 18 tháng kể từ thời điểm Chủ dự án Việt Nam được thông báo kinh phí chuẩn bị dự án.

a. Hết thời hạn 18 tháng, trường hợp văn kiện dự án không hoàn thành thì dự án bị hủy bỏ; Chủ dự án Việt Nam thực hiện quyết toán kinh phí chuẩn bị dự án theo quy định và có báo cáo Thủ tướng Chính phủ Việt Nam.

b. Chủ dự án Việt Nam và Chủ dự án Lào chịu trách nhiệm trước Chính phủ mỗi Bên về việc không hoàn thành văn kiện dự án và bị huỷ bỏ do các nguyên nhân chủ quan do chủ dự án mỗi Bên.

Điều 10. Trình tự, thủ tục quyết định đầu tư

1. Chủ dự án Việt Nam có văn bản gửi lấy ý kiến của các cơ quan Bên Việt Nam (gồm Bộ Kế hoạch và Đầu tư, Bộ Tài chính và các cơ quan quản lý chuyên ngành) và Chủ dự án Lào về văn kiện dự án.

2. Trên cơ sở ý kiến tham gia của các cơ quan, Chủ dự án Việt Nam hoàn thiện văn kiện dự án theo quy định.

3. Chủ dự án Việt Nam lập hồ sơ theo quy định tại Điều 11 Thoả thuận này, trình Thủ tướng Chính phủ Việt Nam phê duyệt tổng mức đầu tư, mức vốn viện trợ, mục tiêu, nội dung chính và kết quả đầu ra của dự án và cho phép chuyển văn kiện dự án sang Bên Lào để thực hiện thủ tục phê duyệt dự án theo quy định của pháp luật Lào.

4. Bên Lào thông báo quyết định phê duyệt dự án cho các cơ quan liên quan Bên Việt Nam để phối hợp thực hiện, quản lý dự án.

Điều 11. Hồ sơ trình quyết định đầu tư dự án viện trợ

Hồ sơ trình Thủ tướng Chính phủ Việt Nam bao gồm:

1. Công văn trình Thủ tướng Chính phủ Việt Nam.

2. Văn kiện dự án.

3. Ý kiến của các cơ quan của Việt Nam về văn kiện dự án (trong đó có ý kiến của cơ quan quản lý chuyên ngành); ý kiến của Chủ dự án Lào.

4. Các hồ sơ cần thiết khác có liên quan.

Điều 12. Thực hiện dự án đầu tư

1. Sau khi Chính phủ Lào quyết định phê duyệt dự án, Chủ dự án Việt Nam và Chủ dự án Lào ký kết Thoả thuận thực hiện dự án, trong đó xác định rõ nhiệm vụ cụ thể của Chủ dự án mỗi Bên theo quy định tại Phụ lục II.

2. Việc lập, thẩm tra, thẩm định phê duyệt thiết kế kỹ thuật, thiết kế bản vẽ thi công, dự toán, quyết toán xây dựng công trình của dự án thực hiện theo quy định của pháp luật về xây dựng của Việt Nam.

3. Chủ dự án Việt Nam chủ trì, phối hợp với Chủ dự án Lào quản lý thi công xây dựng công trình theo quy định liên quan của hai nước đảm bảo chất lượng, tiến độ, hiệu quả dự án phù hợp tổng mức đầu tư dự án được phê duyệt và chịu trách nhiệm về chất lượng, hiệu quả và tiến độ dự án.

4. Tư vấn quản lý dự án; tư vấn giám sát công trình; các tổ chức nhận thầu về khảo sát, thiết kế quy hoạch xây dựng; thi công xây dựng công trình của hai Bên chịu trách nhiệm trước pháp luật của hai Bên về việc thực hiện đúng các cam kết trong hợp đồng đã ký kết; bảo hành các khối lượng công việc theo hợp đồng đã ký phù hợp với pháp luật của hai Bên.

5. Chủ dự án Lào có trách nhiệm tạo điều kiện về thủ tục xuất nhập khẩu vật tư, thiết bị, phương tiện phục vụ cho việc thực hiện dự án đầu tư xây dựng tại Lào được nêu tại Thoả thuận này bao gồm cả thủ tục xin miễn thuế nhập khẩu đối với danh mục hàng hóa nhập khẩu. Sau khi hoàn thành công trình, Chủ dự án và các nhà thầu Việt Nam phải chuyển phương tiện, thiết bị thi công và vật tư còn tồn về nước, trường hợp bán tại Lào phải nộp thuế theo quy định của luật pháp Lào.

6. Xử lý các phát sinh làm thay đổi các nội dung văn kiện dự án trong quá trình thực hiện:

a. Trường hợp trong quá trình thực hiện dự án có các phát sinh làm thay đổi các nội dung văn kiện dự án đã được phê duyệt nhưng không ảnh hưởng đến tổng mức viện trợ, mục tiêu dự án, Chủ dự án Việt Nam phối hợp với Chủ dự án Lào báo cáo Thủ tướng Chính phủ Lào xem xét, quyết định

b. Trường hợp trong quá trình thực hiện dự án có các phát sinh làm thay đổi các nội dung văn kiện dự án đã được phê duyệt và làm thay đổi tổng mức viện trợ, mục tiêu dự án chủ dự án phía Việt Nam và chủ dự án phía Lào có báo cáo giải trình gửi Thủ tướng Chính phủ hai nước và các cơ quan liên quan mỗi Bên để Thủ tướng Chính phủ hai nước quyết định.

7. Các dự án đầu tư xây dựng có đặc thù riêng liên quan đến cả hai nước sẽ do hai Bên xem xét và quyết định.

Điều 13. Quy trình thực hiện các dự án hỗ trợ kỹ thuật

1. Tất cả các dự án có tính chất hỗ trợ kỹ thuật thuộc lĩnh vực hành chính, kinh tế sự nghiệp đều phải thực hiện các bước tương tự dự án viện trợ có hạng mục đầu tư gồm:

a) Đề xuất chủ trương dự án viện trợ.

b) Phê duyệt dự án viện trợ.

c) Tổ chức thực hiện.

d) Nghiệm thu, bàn giao, quyết toán, kiểm toán.

2. Thủ tục đề xuất danh mục dự án viện trợ hỗ trợ kỹ thuật thực hiện theo quy định tại Điều 8 Thoả thuận này.

3. Sau khi được hai Bên phê duyệt danh mục dự án, Chủ dự án Việt Nam phối hợp với Chủ dự án Bên Lào lập văn kiện dự án hỗ trợ kỹ thuật theo mẫu tại Phụ lục III và dự toán kinh phí dự án.

4. Dự toán kinh phí dự án được lập theo từng nội dung công việc căn cứ đơn giá, định mức áp dụng theo quy định. Đối với phần việc thực hiện tại Việt Nam thì áp dụng đơn giá, tiêu chuẩn, định mức kỹ thuật tại Việt Nam; đối với phần việc thực hiện tại Lào thì áp dụng đơn giá, tiêu chuẩn, định mức kỹ thuật tại Lào. Trường hợp Bên Lào chưa có đơn giá, định mức cho nội dung công việc thì áp dụng theo báo giá thực tế của các doanh nghiệp, tổ chức bên Lào nhưng không vượt quá đơn giá, định mức nội dung công việc tương ứng theo quy định của pháp luật Việt Nam.

5. Chủ dự án Việt Nam xin ý kiến của các cơ quan Việt Nam gồm Bộ Kế hoạch và Đầu tư, Bộ Tài chính, cơ quan quản lý chuyên ngành và Chủ dự án Lào để báo cáo Thủ tướng Chính phủ Việt Nam xem xét, phê duyệt dự án hỗ trợ kỹ thuật và mức vốn viện trợ cho dự án.

6. Chủ dự án Việt Nam thông báo cho Chủ dự án Lào quyết định phê duyệt dự án hỗ trợ kỹ thuật của Thủ tướng Chính phủ Việt Nam để phối hợp triển khai dự án.

7. Sau khi hoàn thành dự án, Chủ dự án Việt Nam và Chủ dự án Lào ký Biên bản nghiệm thu - bàn giao để chuyển giao toàn bộ các kết quả dự án cho Chủ dự án Lào.

8. Không muộn hơn 90 ngày sau khi ký Biên bản nghiệm thu –bàn giao, Chủ dự án Việt Nam lập, thẩm định và phê duyệt hồ sơ quyết toán dự án hoàn thành theo quy định của Việt Nam.

9. Chủ dự án Việt Nam phối hợp với Chủ dự án Lào để tổ chức kiểm toán dự án hoàn thành theo quy định pháp luật của Việt Nam.

10. Chủ dự án Việt Nam gửi quyết định phê duyệt dự án hoàn thành và báo cáo kiểm toán của cơ quan kiểm toán cho Bộ Tài chính và các cơ quan liên quan Bên Việt Nam để theo dõi, quản lý.

Điều 14 . Xây dựng dự toán, phân bổ vốn viện trợ hằng năm cho Dự án.

1. Trước ngày 20/7 hằng năm, các Bộ, ngành, cơ quan trung ương, địa phương của Việt Nam, căn cứ vào tiến độ triển khai các dự án sử dụng vốn viện trợ đang thực hiện tiến hành lập dự toán vốn viện trợ cho năm kế tiếp gửi Bộ Kế hoạch và Đầu tư, Bộ Tài chính để tổng hợp, đưa vào dự toán ngân sách nhà nước, trình Chính phủ để trình Quốc hội Việt Nam xem xét, phê chuẩn.

2. Không muộn hơn 45 ngày trước kỳ họp Ủy ban liên chính phủ hằng năm, căn cứ mức vốn viện trợ được Quốc hội phê chuẩn, dự toán vốn viện trợ cho dự án sử dụng trong năm kế tiếp do các cơ quan liên quan của Việt Nam xây dựng, Bộ Kế hoạch và Đầu tư Việt Nam phối hợp với Bộ Tài chính xây dựng phương án phân bổ vốn viện trợ cho dự án gửi Ủy ban hợp tác Lào – Việt Nam và các cơ quan Việt Nam liên quan để chuẩn bị trao đổi tại kỳ họp Ủy ban liên chính phủ.

3. Trong vòng 30 ngày kể từ ngày Thủ tướng Chính phủ Việt Nam phê duyệt kết quả kỳ họp Ủy ban liên Chính phủ, căn cứ phương án phân bổ vốn cho các dự án đã ghi trong Thỏa thuận hợp tác hằng năm, Bộ Kế hoạch và Đầu tư Việt Nam phối hợp với Bộ Tài chính Việt Nam thông báo cho các Bộ ngành, cơ quan và địa phương bên Việt Nam và phía Lào kinh phí vốn viện trợ phân bổ trong năm cho từng dự án.

4. Căn cứ dự toán vốn viện trợ được giao, các Bộ, ngành, cơ quan và địa phương Bên Việt Nam phân bổ dự toán vốn viện trợ được giao cho đơn vị trực thuộc để thực hiện.

Điều 15. Thanh toán, quyết toán và xử lý ngân sách cuối năm đối với vốn viện trợ

1. Thanh toán vốn viện trợ

a. Các Bộ, ngành, cơ quan và địa phương Bên Việt Nam thực hiện giao dự toán cho các đơn vị trực thuộc để thực hiện rút dự toán kinh phí viện trợ theo quy định của Việt Nam để thanh toán cho các nhiệm vụ hợp tác được giao.

b. Kho bạc nhà nước Việt Nam thực hiện kiểm soát, thanh toán, chi trả nguồn kinh phí viện trợ theo quy định. Định kỳ 06 tháng báo cáo tình hình giải ngân vốn viện trợ, gửi Bộ Tài chính Việt Nam, Bộ Kế hoạch và Đầu tư Việt Nam.

c. Đối với các dự án sử dụng vốn viện trợ do phía Lào tự thực hiện, việc thanh toán vốn viện trợ được thực hiện theo thỏa thuận riêng được hai Chính kỳ kết.

2. Quyết toán vốn viện trợ: Trước ngày 01 tháng Mười năm sau, các Bộ, ngành, cơ quan và địa phương Bên Việt Nam lập báo cáo quyết toán kinh phí viện trợ thực hiện (cho đào tạo, dự án) của năm trước, gửi Bộ Tài chính Việt Nam để tổng hợp quyết toán ngân sách nhà nước theo quy định của Luật Ngân sách nhà nước Việt Nam và các văn bản hướng dẫn.

3. Xử lý ngân sách cuối năm: việc xử lý ngân sách cuối năm đối với vốn viện trợ được thực hiện theo quy định của Luật Ngân sách nhà nước Việt Nam và các văn bản hướng dẫn.

Điều 16. Về mua sắm, đấu thầu

1. Đối với các nội dung công việc do Bên Việt Nam chủ trì thực hiện, việc mua sắm, đấu thầu được thực hiện theo quy định pháp luật đấu thầu của Việt Nam.

2. Đối với các nội dung công việc do Bên Lào chủ trì thực hiện từ nguồn vốn đối ứng hoặc từ nguồn vốn viện trợ của Chính phủ Việt Nam, việc mua sắm, đấu thầu được thực hiện theo quy định pháp luật đấu thầu của Lào.

Điều 17. Cung cấp thông tin giải ngân vốn viện trợ

Định kỳ 06 tháng, Bộ Tài chính Việt Nam cung cấp cho Bộ Tài chính Lào về tình hình giải ngân vốn viện trợ của năm kế hoạch; Bộ Tài chính Lào cung cấp cho Bộ Tài chính Việt Nam tình hình giải ngân vốn đối ứng cho các dự án.

Điều 18. Báo cáo, kiểm tra dự án viện trợ

1. Định kỳ 06 tháng trước ngày 20/07 và 20/01 năm tiếp theo, Chủ dự án Việt Nam lập báo cáo tình hình thực hiện dự án, khó khăn, vướng mắc, tình

hình cấp phát, sử dụng vốn viện trợ, vốn đối ứng của Bên Lào, dự kiến kinh phí viện trợ năm tiếp theo theo mẫu tại Phụ lục IVa và IVb gửi Bộ Tài chính Việt Nam, Bộ Kế hoạch và Đầu tư Việt Nam và các cơ quan liên quan Bên Việt Nam để theo dõi, quản lý.

2. Ủy ban hợp tác Việt Nam – Lào và Ủy ban hợp tác Lào – Việt Nam chủ trì, phối hợp với Chủ dự án và các cơ quan liên quan mỗi Bên tổ chức kiểm tra định kỳ hằng 06 tháng hoặc đột xuất tình hình triển khai thực hiện các dự án viện trợ; tổng hợp tình hình thực hiện các dự án, phát hiện khó khăn, vướng mắc và đề xuất giải pháp xử lý để báo cáo Thủ tướng Chính phủ hai Bên xem xét, quyết định.

3. Bộ Tài chính Việt Nam có thể độc lập hoặc phối hợp với các cơ quan liên quan thực hiện việc kiểm tra định kỳ hoặc đột xuất đối với các dự án về việc chấp hành các quy định tài chính tại Thoả thuận này.

Điều 19. Kết thúc xây dựng, nghiệm thu, bàn giao công trình dự án

1. Khi dự án hoàn thành, Chủ dự án Việt Nam và Chủ dự án Lào thành lập Hội đồng nghiệm thu chung để tổng nghiệm thu toàn bộ dự án.

2. Công trình được bàn giao và đưa vào khai thác sử dụng sau khi Hội đồng nghiệm thu chung đã có biên bản xác nhận chất lượng đảm bảo đúng theo thiết kế được duyệt, đảm bảo tính hiệu quả của dự án và đủ điều kiện đưa công trình vào khai thác sử dụng theo quy định.

Trường hợp công trình còn một số tồn tại về chất lượng nhưng không làm ảnh hưởng đến khả năng chịu lực, tuổi thọ, công năng của công trình và đảm bảo công trình, đủ điều kiện khác an toàn thì Hội đồng nghiệm thu chung quyết định nghiệm thu có điều kiện để đưa công trình vào khai thác, sử dụng bàn giao cho bên Lào quản lý. Biên bản nghiệm thu phải nêu rõ các tồn tại về chất lượng cần khắc phục hoặc các công việc xây dựng cần được tiếp tục thực hiện và thời gian hoàn thành công việc này. Chủ dự án Việt Nam có trách nhiệm tiếp tục thực hiện việc sửa chữa, khắc phục các tồn tại bằng kinh phí tự bố trí; Chủ dự án Việt Nam và Chủ dự án Lào sẽ ký Biên bản nghiệm thu hoàn thành sau khi các tồn tại về chất lượng đã được khắc phục hoặc các công việc xây dựng còn lại đã được hoàn thành.

3. Không muộn hơn 60 ngày sau khi Hội đồng nghiệm thu chung đã ký biên bản nghiệm thu, Chủ dự án Việt Nam và Chủ dự án Lào báo cáo Ủy ban hợp tác hai nước cho phép ký kết "Biên bản Bàn giao - Tiếp nhận công trình dự án" để bàn giao công trình và những tài liệu cần thiết có liên quan đến dự án. .

4. Biên bản Bàn giao – Tiếp nhận công trình dự án bao gồm phần căn cứ pháp lý về đầu tư dự án, quá trình triển khai thực hiện, biên bản nghiệm thu chung, hồ sơ thiết kế và các hồ sơ về nội dung kinh tế, kỹ thuật; hồ sơ về kinh phí thực hiện dự án theo quy định hai nước.

5. Không muộn hơn 90 ngày sau khi ký Biên bản Bàn giao - Tiếp nhận công trình dự án, Chủ dự án Việt Nam lập, thẩm định và phê duyệt hồ sơ quyết toán dự án hoàn thành theo quy định của Việt Nam.

6. Chủ dự án Việt Nam phối hợp với Chủ dự án Lào để tổ chức kiểm toán dự án hoàn thành theo quy định pháp luật của Việt Nam.

7. Chủ dự án Việt Nam gửi quyết định phê duyệt dự án hoàn thành và báo cáo kiểm toán của cơ quan kiểm toán cho Bộ Tài chính và các cơ quan liên quan Bên Việt Nam để theo dõi, quản lý.

Chương IV

ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH

Điều 20. Tổ chức thực hiện

1. Hai Bên cam kết chỉ đạo các cơ quan, tổ chức liên quan của mỗi Bên thực hiện nghiêm túc các nội dung về quản lý tài chính, sử dụng vốn viện trợ của Chính phủ Việt Nam cho Chính phủ Lào quy định tại Thoả thuận này.

2. Các vướng mắc phát sinh trong quá trình tổ chức, triển khai Thoả thuận này được giải quyết thông qua đàm phán giữa hai Bên.

Điều 21. Xử lý chuyển tiếp

1. Các dự án đã được hai Bên thống nhất tại danh mục dự án viện trợ tại Thoả thuận hợp tác giữa hai Chính phủ trước ngày Thoả thuận này có hiệu lực tiếp tục được thực hiện theo quy định của Thoả thuận về Quy chế tài chính và quản lý, sử dụng vốn viện trợ không hoàn lại của Chính phủ Việt Nam cho Chính phủ Lào ký ngày 12 tháng 12 năm 2011.

2. Trường hợp Thoả thuận này hết hạn hiệu lực, các khoản viện trợ đang được chuẩn bị hoặc đã thực hiện theo Thỏa thuận này tiếp tục được thực hiện theo Thoả thuận này cho đến khi kết thúc khoản viện trợ.

Điều 22. Hiệu lực thi hành

1. Thoả thuận này thay thế "Thoả thuận về Quy chế tài chính và quản lý sử dụng vốn viện trợ không hoàn lại của Chính phủ nước Cộng hoà xã hội chủ nghĩa Việt Nam dành cho Chính phủ nước Cộng hoà dân chủ nhân dân Lào" ký ngày 12 tháng 12 năm 2011 tại Hà Nội.

2. Thỏa thuận này có hiệu lực kể từ ngày ký và tiếp tục có hiệu lực trong vòng 05 (năm) năm.

3. Trong trường hợp chậm nhất 06 (sáu) tháng trước thời điểm hết hiệu lực của thỏa thuận này, một Bên không nhận được thông báo bằng văn bản của Bên kia về ý định chấm dứt hiệu lực của Thỏa thuận, Thỏa thuận này sẽ tự động được gia hạn cho giai đoạn 05 (năm) năm tiếp theo.

4. Thoả thuận này có thể được bổ sung, sửa đổi trên cơ sở nhất trí bằng văn bản giữa hai Bên. Các sửa đổi, bổ sung thoả thuận, phụ lục là bộ phận không tách rời của Thoả thuận này.

Thỏa thuận này được lập và ký tại Hà Nội, ngày 06 tháng 12 năm 2020 thành 02 (hai) bản gốc, mỗi bản bằng tiếng Việt và tiếng Lào, tất cả các văn bản có giá trị như nhau./.

THAY MẶT CHÍNH PHỦ NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM	**THAY MẶT CHÍNH PHỦ NƯỚC CỘNG HOÀ DÂN CHỦ NHÂN DÂN LÀO**
Trần Xuân Hà **THỨ TRƯỞNG BỘ TÀI CHÍNH**	**Bounchom UBONPASEUTH** **THỨ TRƯỞNG BỘ TÀI CHÍNH**

PHỤ LỤC I

I. Nội dung chính của Thuyết minh của dự án đầu tư xây dựng công trình:

1. Sự cần thiết và mục tiêu đầu tư xây dựng;

2. Mô tả về quy mô và diện tích xây dựng công trình, các hạng mục công trình thuộc dự án; phân tích lựa chọn phương án kỹ thuật, công nghệ và công suất;

3. Các giải pháp thực hiện bao gồm:

3.1. Phương án về giải phóng mặt bằng, và phương án hỗ trợ nếu có;

3.2. Các phương án thiết kế kiến trúc đối với công trình trong đô thị và công trình có yêu cầu kiến trúc;

3.3. Phương án khai thác dự án và sử dụng lao động;

3.4. Phân đoạn thực hiện, tiến độ thực hiện và hình thức quản lý dự án.

4. Đánh giá tác động môi trường, các giải pháp phòng cháy, chữa cháy và các yêu cầu về quốc phòng, an ninh;

5. Tổng mức đầu tư của dự án, nhu cầu sử dụng vốn theo tiến độ, phương án hoàn trả vốn đối với dự án có yêu cầu thu hồi vốn, phân tích đánh giá hiệu quả kinh tế-tài chính, hiệu quả xã hội của dự án;

6. Tổng mức đầu tư xây dựng công trình được tính bằng đồng Việt Nam (VND), trong đó bao gồm những nội dung công việc chi bằng tiền Đồng tại Việt Nam và những nội dung công việc chi bằng tiền Kíp tại Lào được quy đổi sang Đồng Việt Nam theo tỷ giá tại thời điểm lập dự toán. Chi phí cho dự án đầu tư xây dựng công trình tại đâu được áp dụng đơn giá và những quy định về quản lý giá tại nơi đó. Trường hợp không có đơn giá thì Chủ dự án hai Bên thống nhất đơn giá trình Thủ tướng Chính phủ Việt Nam xem xét quyết định;

Chi phí thuế đối với phần việc thực hiện tại Lào không tính trong vốn viện trợ của Chính phủ Việt Nam. Chi phí thuế đối với phần việc thực hiện tại Việt Nam được tính trong tổng mức vốn viện trợ cho dự án.

7. Bên Lào cung cấp các hồ sơ tài liệu liên quan đến đơn giá, định mức xây lắp, các tài liệu cần thiết về tự nhiên, xã hội, quy hoạch phát triển và các quy định khác liên quan đến việc xác định tổng mức đầu tư xây dựng công trình.

II. Nội dung chính của Thiết kế cơ sở dự án:

1. Thiết kế cơ sở là thiết kế được thực hiện trong giai đoạn lập Dự án đầu tư xây dựng công trình trên cơ sở phương án thiết kế được lựa chọn, bảo đảm thể hiện được các thông số kỹ thuật chủ yếu phù hợp với các quy chuẩn, tiêu chuẩn được áp dụng, là căn cứ để triển khai các bước thiết kế tiếp theo;

2. Nội dung thiết kế cơ sở bao gồm phần thuyết minh và phần bản vẽ:

2.1. Phần thuyết minh thiết kế cơ sở bao gồm các nội dung:

- Giới thiệu tóm tắt địa điểm xây dựng, phương án thiết kế; tổng mặt bằng dự án hoặc phương án tuyến công trình đối với công trình xây dựng theo tuyến; vị trí, quy mô xây dựng các hạng mục công trình; việc kết nối giữa các hạng mục công trình thuộc dự án và với hạ tầng kỹ thuật của khu vực;

- Phương án công nghệ, dây chuyền công nghệ đối với công trình có yêu cầu công nghệ;

- Phương án kiến trúc đối với công trình có yêu cầu kiến trúc;

- Phương án kết cấu chính, hệ thống kỹ thuật, hạ tầng kỹ thuật chủ yếu của công trình;

- Phương án bảo vệ môi trường, phòng cháy, chữa cháy theo quy định của pháp luật hai Bên;

- Danh mục các quy chuẩn, tiêu chuẩn chủ yếu được áp dụng.

2.2. Phần bản vẽ thiết kế cơ sở bao gồm các nội dung:

- Bản vẽ tổng mặt bằng công trình hoặc bản vẽ bình đồ phương án tuyến công trình đối với công trình xây dựng theo tuyến;

- Sơ đồ công nghệ, bản vẽ dây chuyền công nghệ đối với công trình có yêu cầu công nghệ;

- Bản vẽ phương án kiến trúc đối với công trình có yêu cầu kiến trúc;

- Bản vẽ phương án kết cấu chính, hệ thống kỹ thuật, hạ tầng kỹ thuật chủ yếu của công trình, kết nối với hạ tầng kỹ thuật của khu vực.

PHỤ LỤC II

1. Nhiệm vụ của Chủ dự án Lào

a. Tổ chức đền bù giải phóng mặt bằng, cung cấp nguồn điện, nước, các loại nguyên, nhiên, vật liệu hoặc các công việc khác mà chủ dự án Lào có khả năng tham gia;

b. Tổ chức thực hiện đầu tư xây dựng theo quy định hiện hành của Nhà nước Lào trong trường hợp Bên Lào thực hiện;

c. Cho ý kiến thống nhất với các thỏa thuận, hợp đồng (sau đây gọi là hợp đồng) để thi công xây dựng công trình;

d. Phối hợp với chủ dự án Việt Nam tổ chức triển khai thực hiện các thoả thuận và các hợp đồng (nếu có) liên quan đến việc thi công xây dựng công trình;

e. Phối hợp với chủ dự án Việt Nam trong việc quản lý chất lượng, tổ chức kiểm tra, nghiệm thu và xác nhận kết quả thực hiện theo đúng hồ sơ thiết kế đã được phê duyệt, xác định tổng quyết toán toàn bộ công trình; tổ chức bàn giao cho đơn vị sử dụng công trình của dự án;

f. Làm việc với cơ quan hữu quan của Lào để bố trí đầy đủ và kịp thời nguồn vốn để thực hiện các nội dung nêu tại Khoản 1 Điều 3 của Thỏa thuận này.

2. Nhiệm vụ của Chủ dự án Việt Nam

a. Phối hợp với chủ dự án Lào tổ chức triển khai thực hiện các thoả thuận và các hợp đồng (nếu có) liên quan đến việc thi công xây dựng công trình;

b. Lập kế hoạch vốn đầu tư cho cả dự án và từng năm, trong đó phân tách rõ vốn viện trợ, vốn đối ứng phù hợp với thiết kế được duyệt và tiến độ xây dựng, khối lượng thực hiện ghi trong quyết định đầu tư công trình;

c. Tổ chức thực hiện dự án, bao gồm cả việc tổ chức đấu thầu, ký kết các hợp đồng thực hiện dự án với các nhà thầu; nghiệm thu xác nhận khối lượng hoàn thành theo tiến độ hợp đồng;

d. Phối hợp với chủ dự án Lào kiểm tra việc thực hiện các hợp đồng thi công xây lắp, lập báo cáo tình hình thực hiện dự án theo quy định của Thoả thuận này;

f. Phối hợp với chủ dự án Lào tổ chức tổng nghiệm thu; bàn giao công trình cho cơ quan hữu trách của Lào quản lý, sử dụng theo quy định của Thoả thuận này. Phối hợp quản lý việc thực hiện thời hạn bảo hành công trình theo thoả thuận hai Bên;

PHỤ LỤC III
Mẫu văn kiện dự án hỗ trợ kỹ thuật

I. Thông tin cơ bản về dự án

1. Tên dự án
2. Chủ dự án
3. Thời gian thực hiện dự án
4. Địa điểm thực hiện dự án

II. Bối cảnh và sự cần thiết của dự án

1. Sự phù hợp và các đóng góp của dự án vào chiến lược, kế hoạch phát triển kinh tế xã hội của Lào, quy hoạch phát triển ngành, vùng và địa phương; thúc đẩy quan hệ giữa Việt Nam và Lào
2. Mối quan hệ với các chương trình, dự án khác nhằm hỗ trợ giải quyết các vấn đề có liên quan của chương trình, dự án
3. Sự cần thiết của dự án (nêu rõ những vấn đề cần giải quyết trong khuôn khổ dự án)

III. Cơ sở đề xuất khoản viện trợ cho Lào

IV. Mục tiêu của dự án

Nêu rõ các mục tiêu tổng quát và cụ thể của dự án

V. Mô tả dự án

Các hợp phần, hoạt động và kết quả chủ yếu của hỗ trợ kỹ thuật đối với Bên Lào, đánh giá khả năng vận dụng hỗ trợ kỹ thuật vào thực tế.

VI. Đối tượng thụ hưởng

Nêu rõ đối tượng thụ hưởng trực tiếp và giải tiếp của dự án

VII. Kế hoạch thực hiện, giám sát và đánh giá

1. Kế hoạch triển khai các hoạt động trước (nếu có)
2. Kế hoạch tổng thể và kế hoạch chi tiết thực hiện dự án cho năm đầu tiên
3. Kế hoạch giám sát và đánh giá dự án

VIII. Tổ chức quản lý thực hiện dự án

Nêu rõ hình thức tổ chức quản lý thực hiện; cơ chế phối hợp giữa các bên tham gia chuẩn bị thực hiện, thực hiện và quản lý dự án; năng lực tổ chức, quản lý thực hiện dự án của chủ dự án.

IX. Tổng vốn dự án

Nêu chi tiết từng cấu phần, hạng mục của dự án gồm: vốn viện trợ của Việt Nam; vốn đối ứng của Lào.

PHỤ LỤC IV (a)
Mẫu báo cáo tình hình thực hiện dự án (6 tháng/năm)

I. Thông tin cơ bản dự án

1. Tên dự án
2. Chủ dự án Bên Việt Nam
3. Thời gian thực hiện
4. Mục tiêu dự án
5. Kết quả chủ yếu

II. Tình hình thực hiện dự án

1. Tiến độ thực hiện dự án
2. Tình hình giải ngân (vốn viện trợ của Việt Nam, vốn đối ứng của Lào)

III. Đánh giá tình hình thực hiện

1. Kết quả đạt được
2. Khó khăn, vướng mắc

IV. Kiến nghị của Chủ dự án

V. Phụ lục IV (b)
Báo cáo giải ngân vốn viện trợ

VI. (đơn vị: nghìn đồng)

Cơ quan chủ quản	Tên Dự án	Thời gian thực hiện	Tổng mức đầu tư được duyệt	Tổng mức vốn viện trợ được phân bổ	Lũy kế vốn viện trợ được phân bổ đến năm .... (năm kế trước năm báo cáo)	Lũy kế vốn viện trợ giải ngân đến ngày 31/12/... (năm kế trước năm báo cáo)	Vốn viện trợ được phân bổ trong năm....	Kế hoạch giải ngân (Thực hiện từ 1/1/... đến ngày....	Tỉ lệ giải ngân từ 1/1...đến ngày.....	Dự kiến khối lượng hoàn thành trong năm..... (tính đến thời điểm báo cáo)	Dự kiến giải ngân trong năm..... (tính đến thời điểm báo cáo)	Dự kiến kế hoạch sử dụng vốn viện trợ năm kế tiếp (năm kế tiếp năm báo cáo)

ຂໍ້ຕົກລົງລະຫວ່າງ

ລັດຖະບານ ສາທາລະນະລັດ ສັງຄົມນິຍົມ ຫວຽດນາມ ແລະ ລັດຖະບານ ສາທາລະນະລັດ ປະຊາທິປະໄຕ ປະຊາຊົນລາວ

ກ່ຽວກັບ

ລະບຽບການເງິນ ແລະການຄຸ້ມຄອງການນຳໃຊ້ແຫ່ງທຶນຊ່ວຍເຫຼືອລ້ຳ ຈາກ ລັດຖະບານຫວຽດນາມ ໃຫ້ແກ່ລັດຖະບານລາວ

ອ່ານໃນຍ, ວັນທີ ເດືອນ 12 ປີ 2020

ຂໍ້ຕົກລົງລະຫວ່າງ

ລັດຖະບານ ສາທາລະນະລັດ ສັງຄົມນິຍົມ ຫວຽດນາມ ແລະ ລັດຖະບານ ສາທາລະນະລັດ ປະຊາທິປະໄຕ ປະຊາຊົນລາວ

ກ່ຽວກັບ

ລະບຽບການເງິນ ແລະການຄຸ້ມຄອງການນຳໃຊ້ເງິນທຶນຊ່ວຍເຫຼືອລ້ຳ ຈາກ ລັດຖະບານຫວຽດນາມ ໃຫ້ແກ່ລັດຖະບານລາວ

ລັດຖະບານ ສສ ຫວຽດນາມ (ຕໍ່ຈາກນີ້ໄປເອີ້ນວ່າ ລັດຖະບານຫວຽດນາມ) ແລະ ລັດຖະບານ ສາທາລະນະລັດ ປະຊາທິປະໄຕ ປະຊາຊົນລາວ (ຕໍ່ຈາກນີ້ໄປເອີ້ນວ່າ ລັດຖະບານລາວ), ຕໍ່ໄປນີ້ເອີ້ນລວມວ່າສອງ ຝ່າຍ;

ເພື່ອຮັບປະກັນການຄຸ້ມຄອງ ແລະນຳໃຊ້ທຶນຊ່ວຍເຫຼືອໃຫ້ມີປະສິດຕິຜົນຂອງລັດຖະບານ ສສ ຫວຽດນາມ ມອບໃຫ້ ລັດຖະບານ ສປປ ລາວ, ເພື່ອຮັບປະກັນຊຸກຍູ້ ແລະ ເພີ່ມທະວີສາຍພົວພັນການຮ່ວມມື ລະຫວ່າງສອງປະເທດ, ສອງຝ່າຍໄດ້ຕົກລົງ ດັ່ງລຸ່ມນີ້ :

ພາກທີ I

ຂໍ້ກຳນົດລວມ

ມາດຕາ 1 ອະທິບາຍຄຳສັບ

ຄຳສັບຕ່າງໆທີ່ໄດ້ນຳໃຊ້ໃນຂໍ້ຕົກລົງສະບັບນີ້ມີຄວາມໝາຍ ດັ່ງນີ້:

1. "ທຶນຊ່ວຍເຫຼືອ" ໝາຍເຖິງທຶນຊ່ວຍເຫຼືອລ້ຳຈາກລັດຖະບານຫວຽດນາມມອບໃຫ້ລັດຖະບານລາວ;
2. "ເຈົ້າຂອງໂຄງການຝ່າຍລາວ" ໝາຍເຖິງ ບັນດາກະຊວງ, ຕ້ອງຖິ່ນ, ຫາກຕ່ວນທີ່ໄດ້ຮັບການມອບໝາຍຄວາມຮັບຜິດຊອບຈາກລັດຖະບານລາວໃຫ້ປະສານສົມທົບກັບເຈົ້າຂອງໂຄງການຝ່າຍ ຫວຽດນາມ ຈັດຕັ້ງປະຕິບັດ, ຮັບ ແລະ ຄຸ້ມຄອງນຳໃຊ້ທຶນຊ່ວຍເຫຼືອຂອງລັດຖະບານຫວຽດນາມ ມອບໃຫ້ລັດຖະບານລາວ;

3. "ເຈົ້າຂອງໂຄງການຝ່າຍຫວຽດນາມ" ໝາຍເຖິງ ບັນດາທ້ອງຖິ່ນ, ທ້ອງຖິ່ນ, ພາກສ່ວນທີ່ໄດ້ຮັບມອບໝາຍຈາກລັດຖະບານຫວຽດນາມໃຫ້ປະສານສົມທົບກັບເຈົ້າຂອງໂຄງການຝ່າຍລາວຈັດຕັ້ງປະຕິບັດບັນດາໂຄງການທີ່ນຳໃຊ້ທຶນຊ່ວຍເຫຼືອຈາກລັດຖະບານຫວຽດນາມ;
4. "ນັກສຶກສາລາວ" ໝາຍເຖິງພະນັກງານ, ນັກຮຽນ, ນັກສຶກສາລາວ ໄປຮ່ຳຮຽນຕາມສັນຍາຮ່ວມມືໃນແຕ່ລະປີ ລະຫວ່າງ ລັດຖະບານຫວຽດນາມ ແລະ ລັດຖະບານລາວ.

ມາດຕາ 2 ຂົງເຂດທີ່ນຳໃຊ້ທຶນຊ່ວຍເຫຼືອ

ທຶນຊ່ວຍເຫຼືອຕ້ອງນຳໃຊ້ເຂົ້າໃນບັນດາຂົງເຂດ ດັ່ງລຸ່ມນີ້:

1. ບັນດາໂຄງການກໍ່ສ້າງຢູ່ລາວ;
2. ການກໍ່ສ້າງ, ບຳລຸງສະພະນັກງານ, ນັກຮຽນ, ນັກສຶກສາລາວຮ່ຳຮຽນຢູ່ ຫວຽດນາມ ຫຼື ຮ່ຳຮຽນ ຢູ່ ລາວ;
3. ບັນດາໂຄງການໃຫ້ການຊ່ວຍເຫຼືອດ້ານວິຊາການເພື່ອຍົກສູງຄວາມອາດສາມາດ ແລະ ປະສິດທິພາບ;
4. ບັນດາຂະແໜງການອື່ນໆຕາມການຕົກລົງຂອງລັດຖະບານສອງຝ່າຍ.

ມາດຕາ 3 ການຈັດສັນ, ຄຸ້ມຄອງ ແລະນຳໃຊ້ທຶນຊ່ວຍເຫຼືອ

1. ທຶນຊ່ວຍເຫຼືອຂອງລັດຖະບານຫວຽດນາມມອບໃຫ້ລັດຖະບານລາວຕາມສັນຍາຮ່ວມມືໄປໄລຍະ 5 ປີ ແລະ ສັນຍາຮ່ວມມືແຕ່ລະປີ, ຕ້ອງສອດຄ່ອງກັບບຸລິມະສິດການຮ່ວມມືຂອງລັດຖະບານຫວຽດນາມ ແລະ ລາວ ໃນແຕ່ລະໄລຍະ ແລະ ເງື່ອນໄຂຈັບຂະມານຂອງລັດຖະບານຫວຽດນາມ;
2. ການຄຸ້ມຄອງ, ນຳໃຊ້ທຶນຊ່ວຍເຫຼືອຕ້ອງປະຕິບັດຕາມກົດໝາຍ, ລະບຽບການຂອງສອງຝ່າຍ ແລະ ຮັບປະກັນຄວາມໂປ່ງໃສ ມີປະສິດທິພາບ ແລະ ກວດສອບໄດ້;
3. ຝ່າຍລາວຕ້ອງຮັບປະກັນການຈັດສັນທຶນສົມທົບແລະງົບປະມານໃນການລ້ອມແປງ ແລະ ບຳລຸງຮັກສາໂຄງການໃຫ້ສຽງພໍ ແລະ ຄົບຖ້ວນຕາມທີ່ລະບຸໃນເອກະສານໂຄງການທີ່ໄດ້ຖືກຮັບຮອງ ເພື່ອຮັບປະກັນຜົນສຳເລັດ ແລະ ຄວາມຍືນຍົງຂອງໂຄງການ;
4. ບັນດາຄ່າໃຊ້ຈ່າຍທີ່ບໍ່ສາມາດນຳໃຊ້ທຶນຊ່ວຍເຫຼືອ:
   4.1 ພາສີ, ອາກອນ ແລະ ຄ່າທຳນຽມຕ່າງໆໃນການປະຕິບັດໂຄງການຊ່ວຍເຫຼືອ;
   4.2 ຄ່າຊົດເຊີຍ, ຄ່າປົກປ້ອງສິ່ງກີດຂວາງໃນພື້ນທີ່ຂອງໂຄງການ;
   4.3 ບັນດາຄ່າໃຊ້ຈ່າຍບໍ່ໄດ້ໃຊ້ໃນການຄຸ້ມຄອງໂຄງການຂອງຝ່າຍລາວເຊັ່ນ: ລາຍຈ່າຍບໍລິຫານ, ເງິນເດືອນ-ນະໂຍບາຍ ແລະ ເງິນອຸດໜູນອື່ນໆ (ຖ້າມີ);
   4.4 ຄ່າໃຊ້ຈ່າຍບໍລິຫານ, ຄ່າບຳລຸງຮ້ອມແປງ;
   4.5 ບັນດາຂົງເຂດອື່ນຕາມການຕົກລົງຂອງສອງລັດຖະບານ;

5. ທຶນຊ່ວຍເຫຼືອຂອງລັດຖະບານຫວຽດນາມ ທີ່ມອບໃຫ້ລັດຖະບານລາວເປັນຜູ້ຮັບຜິດຊອບຈັດຕັ້ງປະຕິບັດ ແມ່ນນຳໃຊ້ລະບຽບການສະເພາະທີ່ສອງລັດຖະບານຫຼື່ເດັ່ເຊັນຂໍ້ຕົກລົງຮ່ວມກັນ.

ມາດຕາ 4 ການຈັດສັນທຶນສຳລັບສັນຍາຮ່ວມມື 5 ປີ ແລະສັນຍາຮ່ວມມືປະຈຳປີ

1. ການຈັດສັນທຶນຊ່ວຍເຫຼືອໃນສັນຍາຮ່ວມມື 5 ປີ

1.1 ການຈັດສັນທຶນຊ່ວຍເຫຼືອໃນສັນຍາຮ່ວມມື 5 ປີ ຕ້ອງໃຫ້ສອດຄ່ອງກັບ ກົດໝາຍງົບປະມານ ແລະແຜນພັດທະນາເສດຖະກິດ - ສັງຄົມຂອງຝ່າຍຫວຽດນາມ ແລະ ລາວໃນໄລຍະ 5 ປີ;

1.2 ອີງໃສ່ສະພາບການຈັດຕັ້ງປະຕິບັດທຶນຊ່ວຍເຫຼືອຂອງສັນຍາຮ່ວມມື 5 ປີ ຜ່ານມາ ແລະ ໃຫ້ບຸລິມະສິດການຮ່ວມມື 5 ປີ ຕໍ່ໜ້າລະຫວ່າງລັດຖະບານຫວຽດນາມ ແລະ ລາວ, ພ້ອມທັງ, ອີງໃສ່ເງື່ອນໄຂງົບປະມານຂອງຝ່າຍຫວຽດນາມ ແລະ ຂໍ້ຕົກລົງຂອງການນຳຂັ້ນສູງຂອງສອງຝ່າຍ;

1.3 ກະຊວງການເງິນ ສສ ຫວຽດນາມ ປະສານສົມທົບ ກະຊວງການເງິນ ສປປ ລາວ ປະເມີນຜົນຕົລາຄາການຈັດຕັ້ງປະຕິບັດທຶນຊ່ວຍເຫຼືອຈາກລັດຖະບານຫວຽດນາມ ມອບໃຫ້ລັດຖະບານລາວໃນໄລຍະ 5 ປີ ຜ່ານມາ ແລະ ຄາດຄະເນທຶນຊ່ວຍເຫຼືອໃນໄລຍະ 5 ປີ ຕໍ່ໜ້າ ແລ້ວລາຍງານລັດຖະບານຂອງແຕ່ລະຝ່າຍ ເພື່ອເປັນບ່ອນອີງໃນການຈັດສັນທຶນຊ່ວຍເຫຼືອໃນສັນຍາຮ່ວມມື 5 ປີ.

2. ການຈັດສັນທຶນຊ່ວຍເຫຼືອໃນສັນຍາຮ່ວມມືປະຈຳປີ

2.1 ການຈັດສັນທຶນຊ່ວຍເຫຼືອໃນສັນຍາຮ່ວມມືປະຈຳປີແມ່ນອີງໃສ່ສັນຍາຮ່ວມມື 5 ປີ; ຜົນການຈັດຕັ້ງປະຕິບັດທຶນຊ່ວຍເຫຼືອໃນປີກ່ອນ ແລະ ເງື່ອນໄຂດ້ານງົບປະມານຂອງລັດຖະບານຫວຽດນາມ;

2.2 ກະຊວງການເງິນ ຂອງແຕ່ລະຝ່າຍປະເມີນຜົນການຈັດຕັ້ງປະຕິບັດທຶນຊ່ວຍເຫຼືອຂອງລັດຖະບານຫວຽດນາມ, ທຶນສົມທົບຂອງລັດຖະບານລາວໃນປີກ່ອນ; ຄາດຄະເນຈຳນວນທຶນຊ່ວຍເຫຼືອທັງໝົດ ແລະ ທຶນສົມທົບໃນປີເພື່ອເປັນບ່ອນອີງໃນການລາຍງານລັດຖະບານຂອງແຕ່ລະຝ່າຍ ເພື່ອພິຈາລະນາຈັດສັນທຶນຊ່ວຍເຫຼືອກໍ່ຄືການຈັດສັນທຶນສົມທົບ;

2.3 ການຈັດສັນທຶນຊ່ວຍເຫຼືອແມ່ນໃຫ້ບຸລິມະສິດວຽກງານການສຶກສາເຊັ່ນ: ໃນກໍລະນີມີຄວາມຮຽກຮ້ອງຕ້ອງການໃນວຽກງານສຶກສາໃດໜຶ່ງແບບກະທັນຫັນເຊິ່ງບໍ່ໄດ້ກຳນົດໃນສັນຍາຮ່ວມມືປະຈຳປີ ແມ່ນນາຍົກລັດຖະມົນຕີຂອງສອງຝ່າຍຈະພິຈາລະນາຮ່ວມກັນໃນການຈັດສັນທຶນໃຫ້ແກ່ວຽກງານຄັ່ງກ່າວ. ພ້ອມນີ້, ການຈັດສັນທຶນຊ່ວຍເຫຼືອກໍ່ອີງໃສ່ບັນດາໂຄງການທີ່ຈະສຳເລັດໃນປີ ແລະ ໂຄງການທີ່ຈະສືບຕໍ່ຈັດຕັ້ງປະຕິບັດໃນສັນຍາຮ່ວມມືປະຈຳປີ.

3. ການໂອນທຶນຊ່ວຍເຫຼືອໃນແຕ່ລະປີ

ຫົນຊ່ວຍເຫຼືອທີ່ບໍ່ໄດ້ຮັບການເບິກຈ່າຍໝົດໃນປີຜ່ານມາແມ່ນໃຫ້ໄອນ ມາສົບຕໍ່ນຳໃຊ້ໃນປີຕໍ່ມາເຊິ່ງແມ່ນການປະຕິບັດຕາມຂໍ້ກຳນົດຂອງ ກົດໝາຍວ່າດ້ວຍ ການລົງທຶນສາທາລະນະ ແລະ ກົດໝາຍງົບປະມານ ຂອງຫວຽດນາມ.

ພາກທີ II

ການຊຸ້ມຄອງທົນຊ່ວຍເຫຼືອໃນວຽກງານການສຶກສາ

ມາດຕາ 5 ກຳນົດທົນການສຶກສາ ແລະ ແຜນລາຍຈ່າຍໃນຂະແໜງສຶກສາ

1. ກ່ອນວັນທີ 20 ເດືອນກໍລະກົດ ຂອງແຕ່ລະປີ, ກະຊວງສຶກສາ ແລະ ກໍ່ສ້າງ, ກະຊວງປ້ອງກັນປະເທດ, ກະຊວງປ້ອງກັນຄວາມສະຫງົບ ຂອງຝ່າຍຫວຽດນາມຕ້ອງແລກປ່ຽນ ເພື່ອຄວາມເປັນເອກະພາບຮ່ວມມືກັນກັບບັນດາຂະແໜງການທີ່ກ່ຽວຂ້ອງຂອງຝ່າຍລາວ ກ່ຽວກັບການກຳນົດທົນການສຶກສາ ແລະ ຂະແໜງການຮຽນໃນປີຕໍ່ໄປ:

   1.1 ການຮຽນພາສາຫວຽດຢູ່ ສປປ ລາວ;

   1.2 ການຮຽນໄລຍະຍາວຕາມຂັ້ນ: ຊັ້ນສູງ, ປະລິນຍາຕີ, ປະລິຍາໂທ, ປະລິນຍາເອກ ຢູ່ ສສ ຫວຽດນາມ;

   1.3 ການຮຽນ, ການປິກອົບຮົມໄລຍະສັ້ນຢູ່ ຫວຽດນາມ.

2. ບົນພື້ນຖານການກຳນົດທົນການສຶກສາໃໝ່, ຈຳນວນນັກສຶກສາລາວກຳລັງຮຽນຢູ່ ຫວຽດນາມ ໄອນເປັນນັກສຶກສາສົບຕໍ່ຮຽນໃນປີຕໍ່ໄປ ແລະ ການກຳນົດລາຍຈ່າຍໃນວຽກງານການສຶກສາ, ກະຊວງສຶກສາ ແລະ ກໍ່ສ້າງ ຫວຽດນາມ, ກະຊວງປ້ອງກັນປະເທດ ຫວຽດນາມ, ກະຊວງປ້ອງກັນຄວາມສະຫງົບຫວຽດນາມ ແລະ ກະຊວງອື່ນໆ, ຂະແໜງການຢູ່ສູນກາງ, ຫ້ອງຖິ່ນ ຂຶ້ນແຜນລາຍຈ່າຍໃນຂະແໜງສຶກສາແລ້ວ ນຳສົ່ງໃຫ້ ກະຊວງແຜນການ ແລະ ການລົງທຶນ, ກະຊວງການເງິນ ຫວຽດນາມ;

3. ບົນພື້ນຖານທົນການຊ່ວຍເຫຼືອທັງໝົດທີ່ສະພາໄດ້ອະນຸມັດຮັບຮອງ ກະຊວງແຜນການ ແລະ ການລົງທຶນ ສັງລວມເຂົ້າເນື້ອໃນວາລະກອງປະຊຸມລັດຖະບານໃນແຕ່ລະປີ ເພື່ອລາຍງານນາຍົກລັດຖະມົນຕີຂອງສອງຝ່າຍພິຈາລະນາການອະນຸມັດ;

4. ກະຊວງແຜນການ ແລະ ການລົງທຶນ ຫວຽດນາມ ແຈ້ງຈຳນວນທົນການສຶກສາ, ແຜນລາຍຈ່າຍທົນຊ່ວຍເຫຼືອໃນຂະແໜງສຶກສາໃຫ້ບັນດາກະຊວງ, ຂະແໜງການຂັ້ນສູນກາງ ແລະຫ້ອງຖິ່ນ. ພ້ອມທັງ, ນຳສົ່ງແຜນລາຍຈ່າຍຂອງທົນຊ່ວຍເຫຼືອໃນຂະແໜງສຶກສາ ໃຫ້ ກະຊວງການເງິນ ພາຍໃນກຳນົດ 30 ວັນ ພາຍຫຼັງນາຍົກລັດຖະມົນຕີຫວຽດນາມຮັບຮອງຜົນກອງປະຊຸມຄະນະກຳມະການຮ່ວມມືລະຫວ່າງລັດຖະບານລາວ ແລະຫວຽດນາມ ;

5. ในกรณีมีปัญหาเกี่ยวกับการศึกษาแบบกะทันหัน ที่ยังไม่ได้กำหนดในสัมมนาการร่วมประจำปี, กระทรวงศึกษาธิการ, วัฒนธรรม และ กีฬา, กระทรวงป้องกันประเทศ, กระทรวงป้องกันความสะหงบ, บัญชาการกองทัพ, องค์กรปกครองส่วนท้องถิ่น, ต้องรีบรายงานให้ฝ่ายรัฐบาลลาวทราบทันที เพื่อร่วมกับภาคีบัญชาการองค์กรที่เกี่ยวข้องของฝ่ายลาว. ทั้งจากนั้นนำเสนอ กระทรวงแผนการ และ การลงทุน เพื่อสั่งสอบสวนรายงานให้ฝ่ายรัฐบาลทราบ พิจารณาอนุมัติการจัดสรรงบประมาณช่วยเหลือฉุกเฉินของรัฐบาล ที่ได้รับการอนุมัติในวาระการศึกษา.

มาตรา 6 การบริหารจัดการการศึกษา

1. ให้ความร่วมมือประจำปีของฝ่ายลาวรวมถึง:
   1.1 กระทรวงศึกษาธิการ วัฒนธรรม และกีฬา รับผิดชอบการศึกษาให้กับบัญชาการกองทัพ, องค์กรปกครองส่วนท้องถิ่น, การศึกษาในระดับส่วนกลาง และ ต้องรีบของรัฐบาล (รวมทั้งการศึกษาของกระทรวงป้องกันประเทศ และ กระทรวงป้องกันความสะหงบ);
   1.2 สำหรับฝ่ายลาว: องค์กรให้กับบัญชาการกองทัพ, องค์กรปกครองส่วนท้องถิ่น, การศึกษาในระดับส่วนกลางของฝ่ายลาว ที่เกี่ยวข้องกับการดำเนินการศึกษา และ ความรับผิดชอบที่ได้กำหนดไว้ในข้อที่ 1, มาตรา 5;
2. ให้ความร่วมมือรับผิดชอบการศึกษาของกระทรวงศึกษาธิการ และ กีฬา, กระทรวงศึกษาธิการ และ กีฬา ของลาว องค์กรการศึกษาให้กับบัญชาการกองทัพ, องค์กรปกครองส่วนท้องถิ่น และ ประสานงานร่วมกับจัดตั้งคัดเลือกนักศึกษาตามระบบการ เพื่อรับประกันคุณภาพ และ มาตรฐานที่กำหนด.

มาตรา 7 งบประมาณจัดตั้งการสอบวัดผล ภาษาของรัฐบาล ฝ่ายลาว

1. กระทรวงการเงินของรัฐบาล โอนงบประมาณจัดตั้งการสอบวัดผลภาษาของรัฐ ให้กระทรวงศึกษาธิการ และ กีฬาฝ่ายลาว เพื่อนำใช้เข้าในกิจกรรมต่างๆ ร่วมทั้งสนับสนุนค่าใช้จ่ายบางส่วนให้ฝ่ายรัฐบาล;
2. การค้นคว้านำใช้งบการศึกษา และ สนับสนุนการศึกษา:
   2.1 กระทรวงศึกษาธิการ และ กีฬา ลาว จัดตั้งการสอบวัดผลภาษาของรัฐให้นักศึกษา และ ค่าจ้างเงินบำรุงการ, เงินค่าสอบ, ค่าย และ เงินจัดกิจกรรมการของลาว;
   2.2 ก่อนวันที่ 31 ธันวา ของแต่ละปี, กระทรวงศึกษาธิการ และ กีฬาลาว ต้องรายงานสถานการนำใช้งบช่วยเหลือในการสอบภาษาของรัฐ ให้แก่กระทรวงการเงิน และ กระทรวงแผนการ และ การลงทุนของรัฐบาล เพื่อสามารถคิดตามสถานการจัดตั้งประกันคุณภาพการสอบของฝ่ายลาว.

ພາກທີ III
ການຄຸ້ມຄອງທຶນຊ່ວຍເຫຼືອສຳລັບໂຄງການ

ມາດຕາ 8 ລະເບຍີບຕ ໂຄງການທ ຳ ໃ ຊ ທ ຶ ນ ຊ ່ ວ ຍ ເ ຫ ຼ ື ອ

1. ສະເໜີໂຄງການ:

1.1 ໃນກໍລະນີຝ່າຍຫວຽດນາມເປັນຜູ້ສະເໜີໂຄງການ

- ອີງໃສ່ສັນຍາຮ່ວມມື 5 ປີ, ສັນຍາຮ່ວມມືປະຈຳປີຂອງຄອງລັດຖະບານ, ກະຊວງ, ອົງການຈັດຕັ້ງຂັ້ນສູນກາງ ແລະ ທ້ອງຖິ່ນຫວຽດນາມ ເອກະພາບສ້າງບົດລະເໜີໂຄງການ ສົ່ງທຶນກໍ່ສ້າງທີ່ນຳໃຊ້ທຶນຊ່ວຍເຫຼືອ ເພື່ອລາຍງານຕໍ່ຄະນະກຳມະການຮ່ວມມືລາວ - ຫວຽດນາມ ລາຍງານລັດຖະບານລາວພິຈາລະນາອະນຸມັດ;

- ພົ້ນພື້ນຖານການອະນຸມັດຮັບເອົາບົດລະເໜີໂຄງການສົ່ງທຶນກໍ່ສ້າງທີ່ນຳໃຊ້ທຶນຊ່ວຍເຫຼືອຂອງລັດຖະບານລາວ, ຄະນະກຳມະການຮ່ວມມື ລາວ - ຫວຽດ ສົ່ງບົດລະເໜີໂຄງການໃຫ້ຄະນະກຳມະການຮ່ວມມືຫວຽດ -ລາວ ຢ່າງ ໜ້ອຍ 30 ວັນ ກ່ອນມື້ເປີດກອງປະຊຸມຄະນະກຳມະການຮ່ວມມືຂອງສອງລັດຖະບານລາວ ແລະ ຫວຽດນາມ.;

- ກະຊວງແຜນການ ແລະການລົງທຶນຫວຽດນາມ ຂໍຄຳເຫັນຈາກບັນດາຂະແໜງການທີ່ກ່ຽວຂ້ອງ (ກະຊວງການເງິນ, ຫ້ອງການລັດຖະບານ, ພາກສ່ວນຄຸ້ມຄອງຂະແໜງການທີ່ກ່ຽວຂ້ອງ) ເພື່ອລາຍງານນາຍົກລັດຖະມົນຕີຫວຽດນາມ ພິຈາລະນາອະນຸມັດ ເພື່ອນຳສະເໜີແລກປ່ຽນໃນກອງປະຊຸມຮ່ວມມືທະວິພາຄີລະຫວ່າງສອງລັດຖະບານ ລາວ - ຫວຽດນາມ.

1.2 ໃນກໍລະນີ, ຝ່າຍລາວເປັນຜູ້ສະເໜີໂຄງການ:

- ກຳນົດເວລາບໍ່ໃຫ້ກາຍ 30 ວັນ ກ່ອນມື້ເປີດກອງປະຊຸມຮ່ວມມືທະວິພາຄີ ລະຫວ່າງສອງລັດຖະບານ ລາວ - ຫວຽດນາມ, ຄະນະກຳມະການຮ່ວມມືລາວ - ຫວຽດນາມ ປະກອບຄຳເຫັນສົ່ງບົດລະເໜີໂຄງການ ຫາ ຄະນະກຳມະການຮ່ວມມືລາວ - ຫວຽດນາມ;

- ກະຊວງແຜນການ ແລະ ການລົງທຶນ ຫວຽດນາມ ຂໍຄຳເຫັນຈາກຂະແໜງການທີ່ກ່ຽວຂ້ອງ (ເຊັ່ນ : ກະຊວງການເງິນ, ຫ້ອງວ່າການລັດຖະບານ, ພາກສ່ວນຄຸ້ມຄອງດ້ານວິຊາການທີ່ກ່ຽວຂ້ອງ) ເພື່ອລາຍງານຕໍ່ລັດຖະບານຫວຽດນາມເພື່ອມອບໃຫ້ຂະແໜງການທີ່ກ່ຽວຂ້ອງຂອງຫວຽດນາມ ເປັນເຈົ້າການປະສານສົມທົບກັບພາກສ່ວນທີ່ກ່ຽວຂ້ອງຂອງຝ່າຍລາວ ສ້າງບົດລະເໜີໂຄງການທີ່ນຳໃຊ້ທຶນຊ່ວຍເຫຼືອ.

2. ບົດລະເໜີໂຄງການທີ່ນຳໃຊ້ທຶນຊ່ວຍເຫຼືອຕ້ອງປະກອບມີບັນດາເນື້ອໃນ ດັ່ງນີ້:

2.1 ຄວາມຈຳເປັນໃນການລົງທຶນກໍ່ສ້າງ, ບັນດາເງື່ອນໄຂໃນການຈັດຕັ້ງປະຕິບັດ, ປະເມີນຜົນໂຄງການຕໍ່ແຜນພັດທະນາເສດຖະກິດ - ສັງຄົມ ຂອງ;

2.2 ຊື່ໂຄງການ ແລະ ເຈົ້າຂອງໂຄງການຝ່າຍລາວແລະຝ່າຍຫວຽດນາມ;

2.3 ຈຸດປະສົງ, ຂະໜາດ, ສະຖານທີ່ ແລະຂອບເຂດການລົງທຶນ;

2.4 ມູນຄ່າໂຄງການທັງໝົດ ແລະ ແຫຼ່ງທຶນ (ທຶນຊ່ວຍເຫຼືອຈາກລັດຖະບານຫວຽດນາມ, ທຶນສົມທົບຂອງລັດຖະບານລາວ).

2.5 ການຄະນະແຜນການຈັດຕັ້ງປະຕິບັດໂຄງການໃຫ້ສອດຄ່ອງກັບເງື່ອນໄຂຕົວຈິງ ແລະ ຄວາມຈາດສາມາດຕອບສະໜອງທຶນຂອງສອງຝ່າຍ.

2.6 ກຳນົດລາຍຈ່າຍທີ່ຕົກລົງກັນການຈັດຕັ້ງປະຕິບັດໂຄງການ ແລະ ຄ່າຮ້ອນແປ່ງໝາຍຫຼັງສຳເລັດໂຄງການ.

2.7 ອິໄຈ, ປະເມີນຜົນກະທົບຕໍ່ສິ່ງແວດລ້ອມ, ສັງຄົມ; ກຳນົດຜົນໄດ້ຮັບໃນການລົງທຶນຕໍ່ເສດຖະກິດ - ສັງຄົມ.

2.8 ກຳນົດວິທີການຈັດຕັ້ງປະຕິບັດ.

2.9 ຄວາມຕ້ອງການໃນການນຳໃຊ້ທຶນ ແລະ ຊັບພະຍາກອນທຳມະຊາດ.

2.10 ວິທີການອອກແບບເບື້ອງຕົ້ນໃນການກໍ່ສ້າງ, ປຶກສືຫາໂຄງການ, ເຕັກນິກ, ເຕັກໂນໂລຊີ ແລະ ອຸປະກອນທີ່ເໝາະສົມ.

3. ກະຊວງແຜນການ ແລະ ການລົງທຶນ ສັງລວມການປະກອບຄຳເຫັນຂອງບັນດາພາກສ່ວນທີ່ກ່ຽວຂ້ອງຝ່າຍຫວຽດນາມ (ຕ້ອງຈຳການລັດຖະບານ, ກະຊວງການເງິນ, ພາກສ່ວນຊົ່ນລ່ຽວວິຊາການສະເພາະ) ເພື່ອລາຍງານນາຍົກລັດຖະມົນຕີພິຈາລະນາ, ອະນຸມັດປົດສະໜີໂຄງການເພື່ອເຂົ້າໃນວາລະກອງປະຊຸມຄະນະລັດຖະບານ.

ມາດຕາ 9 ການກະກຽມໂຄງການລົງທຶນ

1. ສຳລັບໂຄງການທີ່ສອງຝ່າຍໄດ້ຕົກລົງກັນກຳນົດເຂົ້າໃນບັນຊີລາຍຊື່ໂຄງການໃໝ່ ແລະເຈົ້າຂອງໂຄງການ. ເຈົ້າຂອງໂຄງການຝ່າຍຫວຽດນາມ ປະສານສົມທົບກັບເຈົ້າຂອງໂຄງການຝ່າຍລາວເພື່ອສົ່ງປົດລາຍງານການສຶກສາຄວາມເປັນໄປໄດ້ຂອງໂຄງການ;
2. ເຈົ້າຂອງໂຄງການຝ່າຍຫວຽດນາມຈັດສົ່ງລາຍຈ່າຍໃນການສົ່ງປົດລາຍງານສຶກສາຄວາມເປັນໄປໄດ້ຂອງໂຄງການໃຫ້ຝ່າຍລາວເພື່ອເປັນພື້ນຖານໃນການຄິດໄລ່ມູນຄ່າທັງໝົດຂອງໂຄງການ;
3. ຂັ້ນຕອນ ແລະ ລາຍຈ່າຍໃນການສົ່ງປົດລາຍງານສຶກສາຄວາມເປັນໄປໄດ້ຂອງໂຄງການ ແມ່ນອີງໃສ່ກົດໝາຍວ່າດ້ວຍ ການກໍ່ສ້າງຫວຽດນາມ, ລ່ວນປົດວິທະ ແລະ ການອອກແບບໂຄງການຕ້ອງກຳນົດເນື້ອໃນລະອຽດຕາມທີ່ລະບຸໃນເອກະສານຊ້ອນທ້າຍ I ;
4. ກຳນົດເວລາສົ່ງປົດລາຍງານສຶກສາຄວາມເປັນໄປໄດ້ຂອງໂຄງການແມ່ນບໍ່ເກີນ ສາ ເດືອນ ນັບແຕ່ເວລາເຈົ້າຂອງໂຄງການຝ່າຍຫວຽດນາມໄດ້ຮັບແຈ້ງການກ່ຽວກັບລາຍຈ່າຍກະກຽມໂຄງການ.

4.1 ພັດໄລຍະເວລາ 18 ເດືອນ, ໃນກໍລະນີຄ້າງປິດລາຍງານສຶກສາຄວາມເປັນໄປໄດ້ຂອງໂຄງການບໍ່ສຳເລັດແລ້ວໂຄງການຖືກລົບລ້າງ; ເຈົ້າຂອງໂຄງການຝ່າຍຫວຽດນາມຕ້ອງຮັບຜິດຊອບຄ່າໃຊ້ຈ່າຍໃນການກະກຽມໂຄງການຕາມລະບຽບການຄຸ້ມຄອງການເງິນ ແລະ ລາຍງານໃຫ້ນາຍົກລັດຖະມົນຕີຫວຽດນາມ;

4.2 ເຈົ້າຂອງໂຄງການຝ່າຍຫວຽດນາມ ແລະ ລາວຕ້ອງຮັບຜິດຊອບຕໍ່ລັດຖະບານ ໝໍ່ລະຝ່າຍຖ້າບໍ່ສາມາດສ້າງປິດລາຍງານສຶກສາຄວາມເປັນໄປໄດ້ຂອງໂຄງການບໍ່ສຳເລັດ ແລະ ໂຄງການຖືກລົບລ້າງ.

ມາດຕາ 10 ຂັ້ນຕອນ, ເອກະສານຂໍອະນຸມັດໂຄງການ

1. ເຈົ້າຂອງໂຄງການຫວຽດນາມ ສົ່ງໜັງສືຂໍຄຳຄິດເຫັນໃສ່ປິດລາຍງານສຶກສາຄວາມເປັນໄປໄດ້ຂອງໂຄງການຈາກພາກສ່ວນທີ່ກ່ຽວຂ້ອງຝ່າຍຫວຽດນາມ (ເຊັ່ນ ກະຊວງແຜນການ ແລະການລົງທຶນ, ກະຊວງການເງິນ ແລະ ພາກສ່ວນຄຸ້ມຄອງຂະແໜງການສະເພາະ) ແລະ ເຈົ້າຂອງໂຄງການຝ່າຍລາວ;
2. ປົນປຶ້ມຖາມການປະກອບຄຳເຫັນຂອງບັນດາຂະແໜງການທີ່ກ່ຽວຂ້ອງ ເຈົ້າຂອງໂຄງການຝ່າຍຫວຽດນາມ ສ້າງປິດລາຍງານສຶກສາຄວາມເປັນໄປໄດ້ຂອງໂຄງການ ໃຫ້ສຳເລັດຕາມລະບຽບການ;
3. ເຈົ້າຂອງໂຄງການຝ່າຍຫວຽດນາມສ້າງເອກະສານຕາມທີ່ລະບຸໃນ ມາດຕາ 11 ຂອງຂໍ້ຕົກລົງນີ້ ເພື່ອລາຍງານຕໍ່ນາຍົກລັດຖະມົນຕີພິຈາລະນາອະນຸມັດມຸນຄ່າລົງທຶນທັງໝົດ, ຈຳນວນທຶນຊ່ວຍເຫຼືອ, ຈຸດປະສົງ, ເປົ້າໝາຍ ແລະ ຜົນສຳຄັນຂອງໂຄງການ ແລະ ນຳສົ່ງປິດລາຍງານການສຶກສາຄວາມເປັນໄປໄດ້ຂອງໂຄງການໃຫ້ຝ່າຍລາວຄຳເປັນການຂໍການອະນຸມັດຮັບຮອງໂຄງການໃຫ້ຖືກຕ້ອງຕາມກົດໝາຍຂອງລາວ;
4. ຝ່າຍລາວແຈ້ງການອະນຸມັດຮັບຮອງໂຄງການໃຫ້ພາກສ່ວນທີ່ກ່ຽວຂ້ອງຝ່າຍຫວຽດນາມເພື່ອປະສານສົມທົບ ແລະຄຸ້ມຄອງໂຄງການ.

ມາດຕາ 11 ເອກະສານສະເໜີຂໍການພິຈາລະນາອະນຸມັດໂຄງການ

ເອກະສານສະເໜີຕໍ່ນາຍົກລັດຖະມົນຕີຫວຽດນາມ, ມີເນື້ອໃນດັ່ງນີ້:

1. ໜັງສືສະເໜີເຖິງທ່ານນາຍົກລັດຖະມົນຕີຫວຽດນາມ;
2. ປິດລາຍງານສຶກສາຄວາມເປັນໄປໄດ້ຂອງໂຄງການ;
3. ໜັງສືປະກອບຄຳເຫັນໃສ່ປິດລາຍງານສຶກສາຄວາມເປັນໄປໄດ້ຂອງໂຄງການຂອງຂະແໜງການກ່ຽວຂ້ອງຂອງຝ່າຍຫວຽດນາມ ແລະ ເຈົ້າຂອງໂຄງການຝ່າຍລາວ;
4. ບັນດາເອກະສານທີ່ກ່ຽວຂ້ອງອື່ນໆ.

ມາດຕາ 12 ການຈັດຕັ້ງປະຕິບັດໂຄງການ

1. ພາຍຫຼັງສອງລັດຖະບານຮັບຮອງເອົາໂຄງການ, ເຈົ້າຂອງໂຄງການຝ່າຍຫວຽດນາມ ແລະ ລາວເຊັນຂໍ້ຕົກລົງຈັດຕັ້ງປະຕິບັດໂຄງການ, ເຊິ່ງຕ້ອງກຳນົດຊັດເຈນໜ້າທີ່ຄວາມຮັບຜິດຊອບຂອງເຈົ້າຂອງໂຄງການແຕ່ລະຝ່າຍຕາມທີ່ໄດ້ກຳນົດໃນເອກະສານຊ້ອນທ້າຍ II;

2. ການກຳນົດ, ກວດກາ, ສະຫຼຸບບັນຊີຂາດຄົວ, ປະເມີນຜົນ ເພື່ອພິຈາລະນາອະນຸມັດດ້ານເຕັກນິກ, ແຜນວາດການອອກແບບກໍ່ສ້າງ, ຂຶ້ນແຜນລາຍຈ່າຍກໍ່ສ້າງຕາມທີ່ລະບຸໄວ້ໃນ ກົດໝາຍ ວ່າດ້ວຍການກໍ່ສ້າງຂອງຫວຽດນາມ;

3. ເຈົ້າຂອງໂຄງການຝ່າຍຫວຽດນາມເປັນເຈົ້າການປະສານສົມທົບ ກັບ ເຈົ້າຂອງໂຄງການຝ່າຍລາວໃນການຄຸ້ມຄອງ ແລະ ຮັບຜິດຊອບຕໍ່ວຽກກໍ່ສ້າງໂຄງການໃຫ້ຖືກຕ້ອງຕາມລະບຽບການທີ່ກ່ຽວຂ້ອງຂອງສອງປະເທດເພື່ອຮັບປະກັນຄຸນນະພາບ, ຄວາມຄົບໜ້າ, ຜົນໄດ້ຮັບຂອງໂຄງການໃຫ້ສອດຄ່ອງກັບມຸນຄ່າການລົງທຶນທັງໝົດຂອງໂຄງການທີ່ໄດ້ຮັບການອະນຸມັດຮັບຮອງ;

4. ບໍລິສັດທີ່ປົກສາຕິດຕາມ ແລະ ຄວບຄຸມການກໍ່ສ້າງ; ບັນດາບໍລິສັດທີ່ເຂົ້າຮ່ວມການປະມູນເພື່ອສຳຫຼວດ ແລະ ອອກແບບ; ບໍລິສັດທີ່ຈັດຕັ້ງປະຕິບັດໂຄງການຂອງທັງສອງຝ່າຍລ້ວນແຕ່ມີຄວາມຮັບຜິດຊອບຕໍ່ໜ້າກົດໝາຍຂອງແຕ່ລະຝ່າຍໃນການປະຕິບັດໜ້າວຽກ ແລະ ຮັບປະກັນບໍລິມາດໜ້າວຽກຕາມສັນຍາ;

5. ເຈົ້າຂອງໂຄງການຝ່າຍລາວມີໜ້າທີ່ອຳນວຍຄວາມສະດວກໃນການດຳເນີນເອກະສານນຳເຂົ້າລວມທັງການສະເໜີຂໍຍົກເວັ້ນພາສີ - ອາກອນ ສຳລັບວັດສະດຸ, ອຸປະກອນ, ພາຫະນະຮັບໃຊ້ໃນການຈັດຕັ້ງປະຕິບັດໂຄງການຢູ່ ສປປ ລາວ ຕາມແຜນການນຳເຂົ້າ (Master List) ທີ່ໄດ້ຖືກຮັບຮອງ. ພາຍຫຼັງສຳເລັດໂຄງການ, ເຈົ້າຂອງໂຄງການ ແລະ ບໍລິສັດກໍ່ສ້າງຝ່າຍຫວຽດນາມຕ້ອງດຳເນີນຂຶ້ນຕອນການເຄື່ອນຍ້າຍອຸປະກອນກໍ່ສ້າງທີ່ຍັງເຫຼືອ, ພາຫະນະ ແລະ ກົນຈັກກັບຄົນປະເທດ, ໃນກໍລະນີທີ່ຕ້ອງການຂາຍຢູ່ ສປປ ລາວ ຕ້ອງປະຕິບັດຕາມກົດໝາຍຂອງລາວ;

6. ການແກ້ໄຂບັນຫາທີ່ເກີດຂຶ້ນໃນໄລຍະການຈັດຕັ້ງປະຕິບັດໂຄງການທີ່ສົ່ງຜົນກະທົບຕໍ່ເນື້ອໃນເອກະສານໂຄງການ:

   6.1 ໃນກໍລະນີການຈັດຕັ້ງປະຕິບັດໂຄງການຖ້າເກີດມີເຫດການສົ່ງຜົນກະທົບເຖິງເນື້ອໃນເອກະສານໂຄງການທີ່ໄດ້ຮັບການອະນຸມັດຮັບຮອງແຕ່ບໍ່ສົ່ງຜົນກະທົບຕໍ່ມຸນຄ່າໂຄງການທັງໝົດ, ຈຸດປະສົງໂຄງການ, ເຈົ້າຂອງໂຄງການຝ່າຍຫວຽດນາມປະສານສົມທົບກັບເຈົ້າຂອງໂຄງການຝ່າຍລາວລາຍງານນາຍົກລັດຖະມົນຕີລາວ ເພື່ອພິຈາລະນາຕາມຄວາມເໝາະສົມ;

   6.2 ໃນກໍລະນີການຈັດຕັ້ງປະຕິບັດໂຄງການຖ້າເກີດມີເຫດການສົ່ງຜົນກະທົບເຖິງເນື້ອໃນເອກະສານໂຄງການທີ່ໄດ້ຮັບການອະນຸມັດຮັບຮອງທີ່ເຮັດໃຫ້ມີການປ່ຽນແປງມຸນຄ່າ

ໂຄງການ, ຈຸດປະສົງໂຄງການເຈົ້າຂອງໂຄງການຝ່າຍຫວຽດນາມປະສານສົມທົບກັບເຈົ້າຂອງໂຄງການຝ່າຍລາວລາຍງານຂະບວນການຕົກລົງຕໍ່ຜົນກະທົບທີ່ກ່ຽວຂ້ອງ ແລະ ນຳໃຊ້ກົດໝາຍ ແລະ ລະບຽບການຂອງປະເທດ ເພື່ອພິຈາລະນາແກ້ໄຂ.

7. ໂຄງການກໍ່ສ້າງທີ່ມີລັກສະນະພິເສດພົ້ນເໜືອຂອງປະເທດ ແມ່ນຂອງຝ່າຍຮ່ວມກັນພິຈາລະນາແກ້ໄຂ.

ມາດຕາ 13 ຂັ້ນຕອນການຈັດຕັ້ງປະຕິບັດໂຄງການລະໜັບລະໜຸນດ້ານວິຊາການ

1. ໂຄງການທີ່ມີລັກສະນະເປັນການຊ່ວຍເຫຼືອດ້ານວິຊາການໃນຂົງເຂດບໍລິການ, ເຂດຖະກິດຕ້ອງປະຕິບັດຕາມຂັ້ນຕອນຄືກັນກັບໂຄງການລົງທຶນກໍ່ສ້າງ,

   1.1 ນິຕະກຳໂຄງການ;

   1.2 ການອະນຸມັດໂຄງການ;

   1.3 ການຈັດຕັ້ງປະຕິບັດ;

   1.4 ກວດກາແລະປະເມີນຜົນຫຼັງສຳເລັດໂຄງການ, ການມອບ-ຮັບໂຄງການ, ສະສາງບັນຊີໂຄງການ.

2. ການດຳເນີນຂັ້ນຕອນຂໍໂຄງການລະໜັບລະໜຸນດ້ານວິຊາການແມ່ນໃຫ້ລະບຸໃນ ມາດຕາ 8 ຂອງຂໍ້ຕົກລົງສະບັບນີ້;

3. ພາຍຫຼັງຂອງຝ່າຍໄດ້ອະນຸມັດນິຕະກຳໂຄງການ, ເຈົ້າຂອງໂຄງການຝ່າຍຫວຽດນາມ ປະສານສົມທົບກັບເຈົ້າຂອງໂຄງການຝ່າຍລາວ ເພື່ອສ້າງນິຕິກຳສາຄວາມເປັນປໍລະໂຄງ ໂຄງການລະໜັບລະໜຸນດ້ານວິຊາການຕາມທີ່ລະບຸໃນຈຸລະສານຊ້ອນທ້າຍ III ແລະ ແຜນຄາດຄະເນລາຍຈ່າຍຂອງໂຄງການ;

4. ການສ້າງແຜນຄາດຄະເນລາຍຈ່າຍໂຄງການ ແມ່ນອີງໃສ່ຫົວໜ່ວຍຕົ້ນໄມ້ໃນແຕ່ລະໜ້າວຽກ, ຕົ້ນໄມ້ລາຄາຕາມລະບຽບການ, ເຊິ່ງໜ້າວຽກທີ່ຈັດຕັ້ງປະຕິບັດຢູ່ຫວຽດນາມ ແມ່ນນຳໃຊ້ຫົວໜ່ວຍຕົ້ນໄມ້, ມາດຕະຖານ, ເຕັກນິກຂອງຝ່າຍຫວຽດນາມ ສ່ວນໜ້າວຽກທີ່ຈັດຕັ້ງປະຕິບັດຢູ່ລາວ ແມ່ນໃຫ້ນຳໃຊ້ຫົວໜ່ວຍຕົ້ນໄມ້, ມາດຕະຖານ, ເຕັກນິກຂອງລາວ. ໃນກໍລະນີຝ່າຍລາວບໍ່ມີຫົວໜ່ວຍຕົ້ນໄມ້, ລະບຽບການຕົ້ນໄມ້ລາຄາໃນແຕ່ລະໜ້າວຽກ ແມ່ນໃຫ້ຕົ້ນໄມ້ລາຄາຫົວໜ່ວຍຕົ້ນໄມ້, ອີງການຈັດຕັ້ງຝ່າຍລາວ ແຕ່ບໍ່ໃຫ້ເກີນລາຄາຫົວໜ່ວຍຕົ້ນໄມ້, ລາຄາໃນແຕ່ລະໜ້າວຽກຕາມທີ່ໄດ້ກຳນົດໃນລະບຽບການຂອງຝ່າຍຫວຽດນາມ;

5. ເຈົ້າຂອງໂຄງການຝ່າຍຫວຽດນາມ ຂໍຄຳເຫັນຈາກພາກສ່ວນທີ່ກ່ຽວຂ້ອງເຊັ່ນ ກະຊວງແຜນການ ແລະ ການລົງທຶນ, ກະຊວງການເງິນ, ອົງການຄຸ້ມຄອງສະເພາະຂອງຝ່າຍຫວຽດນາມ ແລະເຈົ້າຂອງໂຄງການຝ່າຍລາວ ເພື່ອລາຍງານນາຍົກລັດຖະມົນຕີ ພິຈາລະນາອະນຸມັດຮັບຮອງໂຄງການລະໜັບລະໜຸນດ້ານວິຊາການ ແລະຈັດສັນທຶນຊ່ວຍເຫຼືອສຳລັບໂຄງການ;

6. ເຈົ້າຂອງໂຄງການຝ່າຍຫວຽດນາມ ແຈ້ງໃຫ້ເຈົ້າຂອງໂຄງການຝ່າຍລາວ ຮັບຊາບການ ຮັບຮອງໂຄງການສະໜັບສະໜຸນດ້ານວິຊາການ ເພື່ອປະສານສົມທົບກັບຈັດຕັ້ງຜັນຂະຫຍາຍໂຄງການ;
7. ພາຍຫຼັງສໍາເລັດການຈັດຕັ້ງປະຕິບັດໂຄງການ, ເຈົ້າຂອງໂຄງການຝ່າຍຫວຽດນາມ ແລະ ລາວ ເຊັນບົດບັນທຶກການກວດກາໜ້າວຽກ, ບົດບັນທຶກການມອບ - ຮັບໂຄງການ ໃຫ້ເຈົ້າຂອງໂຄງການຝ່າຍລາວ;
8. ໃນກໍານົດເວລາບໍ່ໃຫ້ເກີນ 90 ວັນ ພາຍຫຼັງເຊັນບົດບັນທຶກການກວດກາໜ້າວຽກ, ບົດບັນທຶກມອບ - ຮັບ ໂຄງການ, ເຈົ້າຂອງໂຄງການຝ່າຍຫວຽດນາມ ປະກອບເອກະສານຊໍາລະສະສາງໂຄງການ ຕາມລະບຽບການຂອງຝ່າຍຫວຽດນາມ;
9. ເຈົ້າຂອງໂຄງການຝ່າຍຫວຽດນາມ ປະສານສົມທົບກັບເຈົ້າຂອງໂຄງການຝ່າຍລາວ ໃນການກວດສອບການນໍາໃຊ້ທຶນຊ່ວຍເຫຼືອຕັ້ງກ່າວຂອງໂຄງການ ຕາມກົດໝາຍຂອງຫວຽດນາມ;
10. ເຈົ້າຂອງໂຄງການຝ່າຍຫວຽດນາມ ນໍາສົ່ງການບົດລາຍງານການສໍາເລັດໂຄງການ ແລະບົດລາຍງານການກວດສອບໂຄງການຂອງອົງການກວດສອບໃຫ້ກະຊວງການເງິນ ແລະ ພາກສ່ວນທີ່ກ່ຽວຂ້ອງຂອງຝ່າຍຫວຽດນາມເພື່ອຕິດຕາມ ແລະ ຄຸ້ມຄອງ.

ມາດຕາ 14 ການສ້າງແຜນລາຍຈ່າຍ, ຈັດສັນທຶນຊ່ວຍເຫຼືອລ້ຽງຊີບຈໍາປີໃຫ້ໂຄງການ

1. ກ່ອນວັນທີ 20 ເດືອນທັນວາຄົກ ຂອງແຕ່ລະປີ, ບັນດາກະຊວງ, ຂະແໜງການ, ອົງການຈັດຕັ້ງສູນກາງ, ທ້ອງຖິ່ນຂອງຫວຽດນາມ ສ້າງແຜນການນໍາໃຊ້ທຶນຊ່ວຍເຫຼືອຂອງປີຕໍ່ໄປ ໂດຍອີງໃສ່ຜົນການຈັດຕັ້ງປະຕິບັດ ບັນດາໂຄງການທີ່ກໍາລັງດໍາເນີນຢູ່ ແລະສົ່ງໃຫ້ ກະຊວງແຜນການ ແລະການລົງທຶນ, ກະຊວງການເງິນ ສັງລວມເຂົ້າແຜນງົບປະມານ ລາຍງານລັດຖະບານ ແລະ ສະເໜີສະພາແຫ່ງຊາດຫວຽດນາມ ພິຈາລະນາຮັບຮອງ;
2. ກໍານົດເວລາບໍ່ໃຫ້ຊ້ໍາເກີນ 45 ວັນ ກ່ອນຈະເປີດກອງປະຊຸມຄະນະກໍາມະການຮ່ວມມື ລາວ-ຫວຽດນາມ ປະຈໍາປີ, ອົງໃສ່ມູນຄ່າທຶນຊ່ວຍເຫຼືອທີ່ໄດ້ຮັບການອະນຸມັດຈາກສະພາແຫ່ງຊາດ, ແຜນຈັດສັນທຶນຊ່ວຍເຫຼືອໃນປີຕໍ່ໄປຂອງພາກສ່ວນທີ່ກ່ຽວຂ້ອງຂອງຫວຽດນາມ, ກະຊວງແຜນການ ແລະ ການລົງທຶນ ປະສານສົມທົບກັບ ກະຊວງການເງິນ ສ້າງແຜນຈັດສັນທຶນຊ່ວຍເຫຼືອໃຫ້ບັນດາໂຄງການ ແລ້ວນໍາສົ່ງໃຫ້ ຄະນະກໍາມະການຮ່ວມມືລາວ - ຫວຽດ ແລະ ພາກສ່ວນທີ່ກ່ຽວຂ້ອງ ເພື່ອພາກັນແລກປ່ຽນໃນກອງປະຊຸມຄະນະກໍາມະການຮ່ວມມືລາວ - ຫວຽດນາມ;
3. ກະຊວງແຜນການ ແລະ ການລົງທຶນ ໂດຍການປະສານສົມທົບກັບ ກະຊວງການເງິນ ຫວຽດນາມ ແຈ້ງແຜນການຈັດສັນທຶນຊ່ວຍເຫຼືອປະຈໍາປີ ໃຫ້ບັນດາໂຄງການທີ່ກອງປະຊຸມຄະນະກໍາມະການຮ່ວມມື ລະຫວ່າງລັດຖະບານ ລາວ ແລະ ຫວຽດນາມ ໄດ້ຕົກລົງ ແລະ ນາຍົກລັດຖະມົນຕີຫວຽດນາມໄດ້ຮັບຮອງ ໃຫ້ບັນດາຂະແໜງການ, ອົງການຈັດຕັ້ງ ແລະ ທ້ອງຖິ່ນຂອງຝ່າຍຫວຽດນາມ ແລະ ຝ່າຍລາວ ພາຍໃນກໍານົດ 30 ວັນ.

4. ບັນດາກະຊວງ, ຂະແໜງການ, ອົງການຈັດຕັ້ງ ແລະ ທ້ອງຖິ່ນຫວຽດນາມ ມອບແຜນລາຍຈ່າຍທຶນຊ່ວຍເຫຼືອດັ່ງກ່າວໃຫ້ໜ່ວຍງານທີ່ຂຶ້ນກັບຂະແໜງການດົນນຳໄປຜັນຂະຫຍາຍຈັດຕັ້ງ ຈັດຕັ້ງປະຕິບັດໂດຍສົມທົບກັບຂະແໜງການທີ່ໄດ້ຮັບການຊ່ວຍເຫຼືອຂອງຝ່າຍລາວ.

ມາດຕາ 15 ການເບີກຈ່າຍເງິນ, ການຊຳລະສະສາງ ແລະສະຫຼຸບການນຳໃຊ້ທຶນຊ່ວຍເຫຼືອ

1. ການເບີກຈ່າຍທຶນຊ່ວຍເຫຼືອ

1.1 ບັນດາກະຊວງ, ຂະແໜງການ, ອົງການຈັດຕັ້ງ ແລະທ້ອງຖິ່ນຝ່າຍຫວຽດນາມ ມອບແຜນລາຍຈ່າຍໂຄງການໃຫ້ຂະແໜງການຂອງດົນ ເພື່ອເບີກຖອນຊຳລະໃຫ້ຖືກຕາມລະບຽບການຂອງຫວຽດນາມ;

1.2 ຄັງເງິນແຫ່ງຊາດຫວຽດນາມ ດຳເນີນການກວດກາ, ເບີກຈ່າຍທຶນຊ່ວຍເຫຼືອຕາມລະບຽບການ. ໃນໄລຍະ 06 ເດືອນ ໃຫ້ລາຍງານສະພາບການເບີກຈ່າຍທຶນຊ່ວຍເຫຼືອ, ສົ່ງໃຫ້ກະຊວງການເງິນຫວຽດນາມ, ກະຊວງແຜນການ ແລະ ການລົງທຶນຫວຽດນາມ;

1.3 ສຳລັບບັນດາໂຄງການທີ່ນຳໃຊ້ທຶນຊ່ວຍເຫຼືອທີ່ມອບໃຫ້ຝ່າຍລາວ ເປັນຜູ້ຮັບຜິດຊອບຈັດຕັ້ງປະຕິບັດການຊຳລະເງິນ ແມ່ນປະຕິບັດຕາມຂໍ້ຕົກລົງສະເພາະທີ່ສອງລັດຖະບານໄດ້ເຊັນສັນຍາຮ່ວມກັນ.

2. ການຊຳລະສະສາງບັນຊີທຶນຊ່ວຍເຫຼືອ: ໃນກຳນົດ 10 ເດືອນ ນັບແຕ່ມື້ສິ້ນສຸດປີງົບປະມານ, ບັນດາກະຊວງ, ຂະແໜງການ, ອົງການຈັດຕັ້ງ ແລະ ທ້ອງຖິ່ນຝ່າຍຫວຽດນາມ ສ້າງບົດລາຍງານສະຫຼຸບການນຳໃຊ້ທຶນຊ່ວຍເຫຼືອ (ທີ່ນຳໃຊ້ໃນຂະແໜງການສຶກສາ, ໂຄງການ) ຂອງປີກ່ອນ ແລ້ວນຳສົ່ງກະຊວງການເງິນຫວຽດນາມເພື່ອສະຫຼຸບສັງລວມງົບປະມານໃຫ້ຖືກຕາມລະບຽບການ ແລະ ກົດໝາຍງົບປະມານຂອງຝ່າຍຫວຽດນາມ;

3. ການຊຳລະງົບປະມານໃນຫ້າຍປີ: ການຊຳລະງົບປະມານໃນຫ້າຍປີດ່ກັບທຶນຊ່ວຍເຫຼືອລ້າ ແມ່ນປະຕິບັດຕາມລະບຽບການ ແລະ ກົດໝາຍ ງົບປະມານຂອງຝ່າຍຫວຽດນາມ.

ມາດຕາ 16 ການຈັດຊື້ ແລະການປະມູນ

1. ບັນດາໜ້າວຽກທີ່ຝ່າຍຫວຽດນາມເປັນຜູ້ຈັດຕັ້ງປະຕິບັດ ການຈັດຊື້ ແລະ ການປະມູນຕ້ອງປະຕິບັດຕາມກົດໝາຍການຈັດຊື້ຂອງຫວຽດນາມ;
2. ບັນດາໜ້າວຽກທີ່ຝ່າຍລາວເປັນຜູ້ຈັດຕັ້ງປະຕິບັດທີ່ນຳໃຊ້ທຶນສົມທົບ ຫຼື ທຶນຊ່ວຍເຫຼືອຂອງລັດຖະບານຫວຽດນາມ ການຈັດຊື້ ແລະ ການປະມູນ ແມ່ນປະຕິບັດຕາມກົດໝາຍປະມູນຂອງລາວ.

ມາດຕາ 17 ການສະໜອງຂໍ້ມູນການເບີກຖອນທຶນຊ່ວຍເຫຼືອ

ໃນກຳນົດຫຼກງ 6 ເດືອນ, ກະຊວງການເງິນຫວຽດນາມ ສະໜອງດົວເລກເບີກຈ່າຍທຶນຊ່ວຍເຫຼືອໃຫ້ກະຊວງການເງິນລາວ ສ່ວນກະຊວງການເງິນລາວ ສະໜອງດົວເລກເບີກຈ່າຍທຶນສົມທົບໃຫ້ຍັນດາໂຄງການ ໃຫ້ກະຊວງການເງິນຫວຽດນາມ.

ມາດຕາ 18 ການລາຍງານ, ການກວດກາໂຄງການຊ່ວຍເຫຼືອ

1. ໃນກຳນົດ 06 ເດືອນ, ກ່ອນວັນທີ່ 20 ເດືອນກ່ລະກົດ ແລະ ວັນທີ່ 20 ເດືອນມັງກອນ ຂອງປີດໍ່ໄປ, ເຈົ້າຂອງໂຄງການຝ່າຍຫວຽດນາມ ສ້າງບົດລາຍງານສະຜາຍການຈັດຕັ້ງປະຕິບັດໂຄງການ ເພື່ອລາຍງານຄວາມຫຍຸ້ງຍາກ, ບັນຫາຄົງຄ້າງ, ເຫດສຸດວິໄສ, ການນຳໃຊ້ທຶນຊ່ວຍເຫຼືອ, ທຶນສົມທົບ, ແຜນເບີກຈ່າຍທຶນຊ່ວຍເຫຼືອໃນປີດໍ່ໄປຕາມແບບຟອມ IVa ແລະ IVb ເພື່ອສົ່ງໃຫ້ກະຊວງການເງິນ, ກະຊວງແຜນການ ແລະ ການລົງທຶນ ແລະພາກສ່ວນທີ່ກ່ຽວຂ້ອງຂອງຝ່າຍຫວຽດນາມເພື່ອຕິດຕາມ ແລະຄຸ້ມຄອງ.
2. ຄະນະກຳມະການຮ່ວມມືຫວຽດນາມ - ລາວ ແລະ ຄະນະກຳມະການຮ່ວມມື ລາວ - ຫວຽດນາມ ຊີ້ນຳ, ປະສານສົມທົບກັບເຈົ້າຂອງໂຄງການ ແລະ ພາກສ່ວນທີ່ກ່ຽວຂ້ອງຂອງສອງຝ່າຍ ເພື່ອກວດກາສະຜາຍການຈັດຕັ້ງປະຕິບັດໂຄງການປະຈຳ 06 ເດືອນ ຫຼື ກວດກາແບບກະທັນຫັນ ເພື່ອກຳໄດ້ຂໍ້ຫຍຸ້ງຍາກ, ຂໍ້ຄົງຄ້າງ ເພື່ອລາຍງານໃຫ້ນາຍົກລັດຖະມົນຕີສອງຝ່າຍຂະນຸມັດຮັບຮອງມາດຕະການແກ້ໄຂ.
3. ກະຊວງການເງິນຫວຽດນາມ ຂຽງກະຊວງຄຽວທີ່ມີຄວາມເປັນເອກະລາດ ຫຼື ປະສານສົມທົບກັບພາກສ່ວນທີ່ກ່ຽວຂ້ອງ ສາມາດກວດກາການປະຕິບັດຂໍ້ຕົກລົງ ກ່ຽວກັບ ລະບຽບການເງິນ ແລະ ການຄຸ້ມຄອງການນຳໃຊ້ແຫຼ່ງທຶນຊ່ວຍເຫຼືອລ້າຈາກລັດຖະບານຫວຽດນາມໃຫ້ແກ່ລັດຖະບານລາວ ຢ່າງເປັນປະປົກກະຕິ ຫຼື ກະທັນຫັນ.

ມາດຕາ 19 ການມອບ-ຮັບໂຄງການ

1. ເມື່ອການກໍ່ສ້າງໂຄງການສຳເລັດ, ເຈົ້າຂອງໂຄງການຝ່າຍຫວຽດນາມ ແລະ ລາວແຕ່ງຕັ້ງຄະນະກຳການປະເມີນຜົນຮ່ວມກັນ ເພື່ອດຳເນີນການປະເມີນຜົນໂຄງການທັງໝົດ;
2. ໂຄງການຈະຖືກມອບ - ຮັບ ແລະນຳໃຊ້ຜາບຫຼັງທີ່ຄະນະກຳມະການຮ່ວມມືມີບົດບັນທຶກຢັ້ງຢືນຄຸນນະພາບ,ຄວາມຖືກຕ້ອງຕາມການອອກແບບ,ປະສິດທິຜົນຂອງໂຄງການ ແລະ ສອດຄ່ອງກັບເງື່ອນໄຂເພື່ອນຳໃຊ້.

ໃນກ່ລະນີໂຄງການກໍ່ສ້າງຍັງມີບາງໜ້າວຽກທີ່ບໍ່ສຳເລັດແຕ່ບໍ່ສົ່ງຜົນກະທົບຮ້າຍແຮງ ແລະ ມີຄວາມປອດໄພໃນການນຳໃຊ້ໂຄງການ ແມ່ນຄະນະກຳມະການປະເມີນຜົນຮ່ວມກັນຂອງເຈົ້າຂອງໂຄງການທັງສອງຝ່າຍພິຈາລະການນຳໃຊ້ ແລະ ສາມາດມອບໂຄງການໃຫ້ຝ່າຍລາວເປັນຜູ້ຄຸ້ມຄອງນຳໃຊ້ໄດ້.

ບົດບັນທຶກການປະເມີນຜົນຮ່ວມກັນຂອງເຈົ້າຂອງໂຄງການສອງຝ່າຍຕ້ອງລະບຸບັນດາໜ້າວຽກທີ່ຍັງບໍ່ສຳເລັດທີ່ຕ້ອງໄດ້ສືບຕໍ່ເຮັດໃຫ້ສຳເລັດຕາມກຳນົດເວລາ. ເຈົ້າຂອງໂຄງການຝ່າຍຫວຽດນາມຕ້ອງສືບຕໍ່ເຮັດວຽກທີ່ຍັງຄົງຄ້າງໃຫ້ສຳເລັດ ແລະ ຈັດສັນເງິນໃນຂະແໜງການຂອງຕົນ

ມາດຕາ 22 ຜົນສັກສິດໃນການຈັດຕັ້ງປະຕິບັດ

1. ຂໍ້ຕົກລົງສະບັບນີ້ປ່ຽນແທນ "ຂໍ້ຕົກລົງກ່ຽວກັບລະບຽບການເງິນ ແລະ ການຄຸ້ມຄອງການນຳໃຊ້ແຫຼ່ງທຶນຊ່ວຍເຫຼືອລ້າຈາກລັດຖະບານຫວຽດນາມ ໃຫ້ແກ່ ລັດຖະບານລາວ" ທີ່ໄດ້ລົງນາມໃນວັນທີ12 ທັນວາ 2011 ທີ່ ນະຄອນຫຼວງຮ່າໂນຍ;
2. ຂໍ້ຕົກລົງສະບັບນີ້ມີຜົນສັກສິດນັບແຕ່ມື້ລົງລາຍເຊັນເປັນຕົ້ນໄປ ແລະ ມີຜົນບັງຄັບໃຊ້ໃນໄລຍະ 05 (ຫ້າ) ປີ;
3. ກ່ອນມີຊ້າສຸດໃນ 6 ເດືອນ ກ່ອນໝົດເວລາມີຜົນບັງຄັບໃຊ້ໄດ້ຂອງຂໍ້ຕົກລົງສະບັບນີ້, ອີກຝ່າຍບໍ່ໄດ້ຮັບໜັງສືແຈ້ງເຈດຈຳນົງຂໍຢຸດຕິການນຳໃຊ້ຂໍ້ຕົກລົງສະບັບນີ້, ຂໍ້ຕົກລົງສະບັບນີ້ຈະອັດຕະໂນມັດໄດ້ຮັບການຕໍ່ອະຍຸມີຜົນນຳໃຊ້ໄດ້ໃນໄລຍະເວລາ 5 ປີ ຕໍ່ໄປອີກ;
4. ຂໍ້ຕົກລົງສະບັບນີ້ສາມາດດັດແກ້, ເພີ່ມເຕີມບົນພື້ນຖານການເຫັນຕົເປັນເອກະພາບຂອງທັງສອງຝ່າຍ. ການດັດແກ້, ເພີ່ມເຕີມເນື້ອໃນກໍ່ຕິເອກະສານຊ້ອນທ້າຍ ແມ່ນບໍ່ສາມາດແຍກອອກຈາກຂໍ້ຕົກລົງສະບັບນີ້ໄດ້.

ຂໍ້ຕົກລົງສະບັບນີ້ ໄດ້ລົງນາມ ທີ່ ນະຄອນຫຼວງຮ່າໂນຍ, ວັນທີ ເດືອນ 12 ປີ 2020 ເປັນ 02 (ສອງ) ສະບັບຕົ້ນເປັນພາສາລາວ ແລະ ພາສາຫວຽດ, ທັງສອງສະບັບມີຄຸນຄ່າເທົ່າທຽມກັນ.

ຕາງໜ້າລັດຖະບານ ແຫ່ງ ສປປລາວ

ບຸນໂຈມ ອຸບົນປະເສີດ
ຮອງລັດຖະມົນຕີກະຊວງການເງິນ

ຕາງໜ້າລັດຖະບານ ແຫ່ງ ສສ ຫວຽດນາມ

ເຈີນ ຊວນ ຮ່າ
ຮອງລັດຖະມົນຕີກະຊວງການເງິນ

ເພື່ອຊຳລະໃຫ້ໜ້າວຽກທີ່ຍັງຄົງຄ້າງ; ເຈົ້າຂອງໂຄງການຝ່າຍຫວຽດນາມ ແລະ ລາວຈະເຊັນບົດບັນທຶກການປະເມີນຜົນເມື່ອຫຸກໜ້າວຽກໄດ້ສຳເລັດ.

3. ໃນກຳນົດ 60 ວັນ, ຫຼັງຈາກຄະນະກຳມະການປະເມີນຜົນຮ່ວມກັນໄດ້ເຊັນບົດບັນທຶກເຈົ້າຂອງໂຄງການສອງຝ່າຍລາຍງານໃຫ້ຄະນະກຳມະການຮ່ວມມືສອງຝ່າຍ ເພື່ອຂໍອະນຸຍາດເຊັນບົດບັນທຶກການມອບ - ຮັບໂຄງການ ແລະ ມອບ - ຮັບບັນດາເອກະສານທີ່ກ່ຽວຂ້ອງກັບໂຄງການ;

4. ບົດບັນທຶກມອບ – ຮັບໂຄງການຈະດ້ອງປະກອບດ້ວຍ ບັນດາ ເອກະສານທີ່ຕິດພັນກັບໂຄງການ.

5. ພາຍໃນ 90 ວັນ, ພາຍຫຼັງເຊັນບົດບັນທຶກມອບ - ຮັບໂຄງການເຈົ້າຂອງໂຄງການຝ່າຍຫວຽດນາມສ້າງບົດລາຍງານຜົນສຳເລັດໂຄງການຕາມລະບຽບການຂອງຝ່າຍຫວຽດນາມ.

6. ເຈົ້າຂອງໂຄງການຝ່າຍຫວຽດນາມປະສານສົມທົບກັບເຈົ້າຂອງໂຄງການຝ່າຍລາວ ເພື່ອດາເນີນການກວດສອບການນຳໃຊ້ທຶນຊ່ວຍເຫຼືອຂອງ ໂຄງການ ຕາມກົດໝາຍ ຂອງຫວຽດນາມ;

7. ເຈົ້າຂອງໂຄງການຝ່າຍຫວຽດນາມນຳສົ່ງບົດລາຍງານຜົນການສຳເລັດ ແລະ ຜົນການກວດສອບບັນຊີຂອງໂຄງການໃຫ້ ກະຊວງການເງິນ ຕິດຕາມ ແລະ ຄຸ້ມຄອງ.

ພາກ IV
ການຈັດຕັ້ງປະຕິບັດຂໍ້ຕົກລົງ

ມາດຕາ 20 ມາດຕະການຈັດຕັ້ງປະຕິບັດ

1. ສອງຝ່າຍຊີ້ນຳບັນດາພາກສ່ວນທີ່ກ່ຽວຂ້ອງຂອງຕົນຈັດຕັ້ງປະຕິບັດການຄຸ້ມຄອງການເງິນຢ່າງເຂັ້ມງວດ, ໃນການນຳໃຊ້ທຶນຊ່ວຍເຫຼືອຂອງລັດຖະບານຫວຽດນາມ ມອບໃຫ້ ລັດຖະບານລາວຕາມທີ່ໄດ້ກຳນົດໃນຂໍ້ຕົກລົງສະບັບນີ້;

2. ບັນດາຂໍ້ຫຍຸ້ງຍາກທີ່ເກີດຂຶ້ນໃນເວລາການຈັດຕັ້ງປະຕິບັດໂຄງການ, ການຜັນຂະຫຍາຍຂໍ້ຕົກລົງສະບັບນີ້ ແມ່ນໃຫ້ແກ້ໄຂດ້ວຍວິທີການເຈລະຈາລະຫວ່າງສອງຝ່າຍ;

ມາດຕາ 21 ການສືບຕໍ່ຈັດຕັ້ງປະຕິບັດສັນຍາ

1. ບັນດາໂຄງການ ທີ່ທັງສອງຝ່າຍເປັນເອກະພາບກຳນົດໃນບັນຊີລາຍຊື່ໂຄງການທີ່ນຳໃຊ້ທຶນຊ່ວຍເຫຼືອໃນສັນຍາຮ່ວມມືລະຫ່ວາງ ສອງລັດຖະບານ ກ່ອນຂໍ້ຕົກລົງສະບັບນີ້ມີຜົນສັກສິດໃຫ້ສືບຕໍ່ຈັດຕັ້ງປະຕິບັດຕາມຂໍ້ກຳນົດໃນຂໍ້ຕົກລົງກ່ຽວກັບລະບຽບການເງິນ ແລະ ການຄຸ້ມຄອງການນຳໃຊ້ແຫຼ່ງທຶນຊ່ວຍເຫຼືອລ້າຈາກລັດຖະບານຫວຽດນາມ ມອບໃຫ້ ລັດຖະບານລາວ ທີ່ໄດ້ເຊັນໃນວັນທີ 12 ຫັນວາ ປີ 2011.

2. ໃນກໍລະນີຂໍ້ຕົກລົງສະບັບນີ້ໝົດຜົນນຳໃຊ້ໄດ້, ບັນດາທຶນຊ່ວຍເຫຼືອທີ່ກຳລັງກະກຽມຫຼືໄດ້ເລີ່ມຈັດຕັ້ງປະຕິບັດຕາມການຕົກລົງຂອງພາກສ່ວນທີ່ກ່ຽວຂ້ອງຂອງສອງຝ່າຍແມ່ນໃຫ້ສືບຕໍ່ຈັດຕັ້ງປະຕິບັດຕາມແຜນ.

ເອກະສານຊ້ອນທ້າຍ I

I. ເນື້ອໃນຄົ້ນຄວຽບຄວິພາກໂຄງການ :

1. ຄວາມຈຳເປັນ ແລະ ເປົ້າໝາຍການລົງທຶນ;

2. ອະທິບາຍຂະໜາດ ແລະ ຂອບເຂດຂອງໂຄງການ, ບັນດາໂຄງການຍອ່ຍ; ວິໄຈ ແລະຄັດເລືອກພື້ນຖານເຕັກນິກ - ເຕັກໂນໂລຊີ ແລະສະມັດຕະພາບຂອງໂຄງການ;

3. ວິທີການຈັດຕັ້ງປະຕິບັດປະກອບດ້ວຍ :

   3.1. ການຍົກບ້າຍສິ່ງກີດຂວາງໃນພື້ນທີ່ໂຄງການ ແລະການຊົດເຊີຍ ຖ້າມີ;

   3.2. ວິທີການອອກແບບສຳລັບໂຄງການທີ່ຈັດຕັ້ງປະຕິບັດຢູ່ໃນຕົວເມືອງ ແລະໂຄງການກໍ່ສ້າງທີ່ມີຄວາມຮຽກຮ້ອງດ້ານສະຖາປັດຕິຍະກຳ;

   3.3. ວິທີການບຸກເບີກພື້ນທີ່ໂຄງການ ແລະ ການນຳໃຊ້ແຮງງານ;

   3.4. ວິທີການກຳນົດໄລຍະຈັດຕັ້ງປະຕິບັດ, ແຜນດຳເນີນງານ ແລະຮູບແບບການຄຸ້ມຄອງໂຄງການ.

4. ປະເມີນຜົນກະທົບຕໍ່ສິ່ງແວດລ້ອມ, ມາດຕະການປ້ອງກັນອັກຄີໄພ, ການດັບເພີງ ແລະການປ້ອງກັນຊາດປ້ອງກັນຄວາມສະຫງົບ;

5. ມູນຄ່າການລົງທຶນທັງໝົດຂອງໂຄງການ, ຄວາມຕ້ອງການນຳໃຊ້ທຶນຕາມຄວາມຄືບໜ້າຂອງວຽກ, ວິທີການ ຊຳລະໜີ້ສິນສຳລັບໂຄງການທີ່ຕ້ອງເກັບຄືນທຶນຄືນ, ວິເຄາະ ແລະປະເມີນຜົນດອບແທນດ້ານເສດຖະກິດ - ສັງຄົມຂອງໂຄງການ;

6. ມູນຄ່າໂຄງການທັງໝົດ ແມ່ນຄິດໄລ່ເປັນສະກຸນເງິນດົງທວຽດນາມ, ໃນນັ້ນບັນດາລາຍຈ່າຍທີ່ເປັນເງິນກີບ ແມ່ນຄິດໄລ່ຕາມອັດຕາແລກປ່ຽນໃນໄລຍະສ້າງແຜນໂຄງການ. ການໃຊ້ຈ່າຍໃຫ້ແກ່ການລົງທຶນກໍ່ສ້າງໂຄງການຢູ່ບ່ອນໃດ ແມ່ນໃຫ້ນຳໃຊ້ຫົວໜ່ວຍລາຄາ ແລະ ຂໍ້ກຳນົດ ກ່ຽວກັບ ການຄຸ້ມຄອງລາຄາຢູ່ບ່ອນນັ້ນ. ກໍລະນີບໍ່ມີຫົວໜ່ວຍລາຄາແມ່ນເຈົ້າຂອງໂຄງການທັງສອງຝ່າຍ ຈະໄດ້ຄົກລົງເປັນເອກະພາບກັນດ້ານຫົວໜ່ວຍລາຄາ ແລະ ນຳສະເໜີລັດຖະບານສອງຝ່າຍພິຈາລະນາ;

   ຄ່າພັນທະອາກອນທີ່ຄິດພັນໃນໜ້າວຽກທີ່ຈັດຕັ້ງປະຕິບັດຢູ່ລາວ ແມ່ນລັດຖະບານລາວຮັບປະກັນການຊຳລະ ໂດຍນຳໃຊ້ທຶນສົມທົບ ເພື່ອຈ່າຍຄ່າພັນທະອາກອນ. ສ່ວນຄ່າພັນທະອາກອນທີ່ຄິດພັນໃນໜ້າວຽກທີ່ຈັດຕັ້ງປະຕິບັດຢູ່ຫຽດນາມ ແມ່ນໃຫ້ຄິດໄລ່ເຂົ້າໃນມູນຄ່າລວມຂອງໂຄງການ.

7. ຝ່າຍລາວ ສະໜອງເອກະສານ ຫົວໜ່ວຍຄິດໄລ່ກໍ່ສ້າງ, ການຄິດໄລ່ຄ່າຊັບພະຍາກອນ, ສັງຄົມ, ແຜນການພັດທະນາ ແລະບັນດາຂໍ້ກຳນົດອື່ນໆ ທີ່ຄິດພັນກັບວຽກການລົງທຶນກໍ່ສ້າງ. ຝ່າຍລາວສະ ໜອງບັນດາເອກະສານຂໍ້ມູນທີ່ກ່ຽວຂ້ອງກັບຫົວໜ່ວຍລາຄາ, ກຳນົດໝາຍໃນການກໍ່ສ້າງ, ຂໍ້ມູນທີ່ຈຳເປັນດ້ານສິ່ງແວດລ້ອມ - ສັງຄົມ, ແຜນພັດທະນາ ແລະບັນດາຂໍ້ກຳນົດອື່ນໆທີ່ກ່ຽວຂ້ອງກັບການກຳນົດມູນຄ່າການກໍ່ສ້າງໂຄງການ.

II. ເນື້ອໃນຕົ້ນຕໍຂອງການອອກແບບເບື້ອງຕົ້ນຂອງໂຄງການ:

1. ການອອກແບບເບື້ອງຕົ້ນ ແມ່ນການອອກແບບທີ່ຈັດຕັ້ງປະຕິບັດໃນໄລຍະດຳເນີນການກໍ່ສ້າງ ຍຶນ ພື້ນຖານການຮັບປະກັນດ້ານວັດທະນະທຳ ແລະ ຖືກຕ້ອງຕາມມາດຕະຖານເພື່ອເປັນບ່ອນອີງໃນການຈັດຕັ້ງ ປະຕິບັດຂັ້ນຕໍ່ໄປ;

2. ເນື້ອໃນການອອກແບບເບື້ອງຕົ້ນ ປະກອບມີພາກການອອກແບບເບື້ອງຕົ້ນ ແລະ ພາກການສ້າງແຜນ ວາດເບື້ອງຕົ້ນ :

2.1. ພາກການອອກແບບເບື້ອງຕົ້ນ :

- ສະເໜີໂດຍຫຍ້ຍ ກ່ຽວກັບ ສະຖານທີ່ກໍ່ສ້າງ,ການອອກແບບ; ພື້ນທີ່ລວມຂອງໂຄງການ ຫຼື ຈຸບ ແບບແລວທີ່ຄາດຈະກໍ ສຳລັບໂຄງການກໍ່ສ້າງຕາມແລວ, ທີ່ຕັ້ງ, ຂະໜາດການກໍ່ສ້າງ; ການເຊື່ອມ ໂຍງ ລະຫວ່າງ ທິດຈະກຳຂອງໂຄງການກັບພື້ນຖານໂຄງລ່າງເດີມມີຂອງພື້ນທີ່;
- ຈຸບແບບ ແລະລະບົບເຕັກໂນໂລຊີສຳລັບໂຄງການທີ່ມີຄວາມຈຽກຮ້ອງດ້ານເຕັກໂນໂລຊີສູງ;
- ການກຳນົດລະຖາປັດຕະຍະກຳສຳລັບໂຄງການທີ່ມີຄວາມຈຽກຮ້ອງດ້ານລະຖາປັດຕະຍະກຳສູງ;
- ກຳນົດໂຄງສ້າງຕົ້ນຕໍ, ລະບົບເຕັກນິກ, ພື້ນຖານໂຄງລ່າງເຕັກນິກຕົ້ນຕໍຂອງໂຄງການ;
- ວິທີການປ້ອງກັນສິ່ງແວດລ້ອມ, ອັກຄີໄພ,ການດັບເພີງ ແລະ ບົດບັນທຶກໝາຍຂອງຄູ່ສ່ວນ;
- ບັນຫາຂໍ້ກຳນົດດ້ານມາດຕະຖານ ແລະ ມາດຕະຖານຕົ້ນຕໍທີ່ໃຊ້ນຳໃຊ້.

2.2. ພາກການສ້າງແຜນວາດເບື້ອງຕົ້ນ:

- ແຜນວາດລວມພື້ນທີ່ໂຄງການ ຫຼື ແຜນວາດແລວທາງດ້ານໃນໂຄງການສຳລັບໂຄງການທີ່ຈັດຕັ້ງ ປະຕິບັດເປັນແລວ;
- ແຜນວາດເຕັກໂນໂລຊີ, ແຜນວາດວົງຈອນເຕັກໂນໂລຊີສຳລັບໂຄງການທີ່ຮຽກຮ້ອງໃຫ້ມີເຕັກໂນ ໂລຊີ;
- ແຜນວາດດ້ານລະຖາປັດຕະຍະກຳສຳລັບໂຄງການທີ່ຮຽກຮ້ອງໃຫ້ມີລະຖາປັດຕະຍະກຳ;
- ແຜນວາດໂຄງສ້າງຕົ້ນຕໍ, ລະບົບເຕັກນິກ, ພື້ນຖານເຕັກນິກຕົ້ນຕໍຂອງໂຄງການ ແລະການ ເຊື່ອມໂຍງກັບພື້ນຖານໂຄງລ່າງເຕັກນິກຂອງພື້ນທີ່ໂຄງການ.

ເອກະສານຊ້ອນທ້າຍ II

---

1. ໜ້າທີ່ຂອງເຈົ້າຂອງໂຄງການຝ່າຍລາວ

1.1 ປະຕິບັດການຂຶດຄົ້ນ, ນຳອອກຫີ້ວກິດຂວາງໃນເຂດພື້ນທີ່ໂຄງການ, ຂະໜອງໄຟຟ້າ, ນ້ຳປະປາ, ນ້ຳມັນເຊື້ອໄຟ, ວັດສະດຸກໍ່ສ້າງຕ່າງໆ ແລະວຽກງານອື່ນໆ ຕາມຄວາມສາມາດ;

1.2 ດຳເນີນການຈັດຕັ້ງປະຕິບັດໂຄງການຕາມລະບຽບກົດໝາຍຂອງ ສປປ ລາວ ໃນກໍລະນີຝ່າຍລາວເປັນຜູ້ຮັບຜິດຊອບຈັດຕັ້ງປະຕິບັດໂຄງການ;

1.3 ມີຄວາມເຫັນທີ່ເປັນເອກະພາບກ່ຽວກັບບັນດາຂໍ້ຕົກລົງ, ສັນຍາ (ລ່ວມນີ້ເອີ້ນວ່າສັນຍາ) ໃນການຈັດຕັ້ງປະຕິບັດໂຄງການ ;

1.4 ປະສານສົມທົບກັບເຈົ້າຂອງໂຄງການຝ່າຍຫວຽດນາມຈັດຕັ້ງປະຕິບັດບັນດາຂໍ້ຕົກລົງ ແລະຂໍ້ຜູກພັນສັນຍາຕ່າງໆທີ່ກ່ຽວຂ້ອງກັບການຈັດຕັ້ງປະຕິບັດໂຄງການ (ຖ້າມີ);

1.5 ປະສານສົມທົບກັບເຈົ້າຂອງໂຄງການຝ່າຍຫວຽດນາມໃນການຄຸ້ມຄອງຊຸມຊົນ, ຈັດຕັ້ງການກວດກາ, ປະເມີນຜົນ, ຢັ້ງຢືນໝາກຜົນການຈັດຕັ້ງປະຕິບັດສອດຄ່ອງກັບເອກະສານໂຄງການ, ພ້ອມທັງລະຫູບຂາດ້ວຍມູນຄ່າການກໍ່ສ້າງທັງໝົດ; ຈັດຕັ້ງພິທີມອບ - ຮັບໂຄງການໃຫ້ໝາກ່ອນທີ່ຈະໄດ້ນຳໃຊ້ໂຄງການ;

1.6 ເຂົ້າວຽກຮ່ວມກັບໝາກ່ອນຫນ້ຳກ່ຽວຂ້ອງຂອງລາວເພື່ອຈັດຂຶ້ນຫົ້ນຫົ້ນຫົ້ນໃຫ້ໝຽງພໍ ແລະ ຄົບຖ້ວນຕາມທີ່ໄດ້ກຳນົດໃນໝາກໜ້ ! ມາດຕາ 3 ຂອງຂໍ້ຕົກລົງສະບັບນີ້.

2. ໜ້າທີ່ຂອງເຈົ້າຂອງໂຄງການຝ່າຍຫວຽດນາມ

2.1 ປະສານສົມທົບກັບເຈົ້າຂອງໂຄງການຝ່າຍລາວ ຈັດຕັ້ງປະຕິບັດຂັ້ນຂະຫຍາຍຂໍ້ຕົກລົງ ແລະສັນຍາ (ຖ້າມີ) ທີ່ຕິດພັນກັບການຈັດຕັ້ງປະຕິບັດໂຄງການ;

2.2 ຂຶ້ນແຜນການນຳໃຊ້ຫົ້ນຊ່ວຍເຫຼືອທັງໝົດ ແລະ ຂຶ້ນແຜນການນຳໃຊ້ໃນແຕ່ລະປີ, ໃນນັ້ນ : ໃຫ້ແຜນການນຳໃຊ້ຫົ້ນຊ່ວຍເຫຼືອ ແລະຫົ້ນສົມທົບ ໂດຍໃຫ້ສອດຄ່ອງກັບການອອກແບບ, ຄວາມຄືບໜ້າຂອງການຈັດຕັ້ງປະຕິບັດໂຄງການ;

2.3 ດຳເນີນການຈັດຕັ້ງປະຕິບັດໂຄງການລວມທັງການປະມູນ, ການເຊັນສັນຍາກັບຜູ້ຮັບເໝົາ; ກວດກາໜ້າວຽກກໍ່ສ້າງທີ່ສຳເລັດຕາມສັນຍາກໍ່ສ້າງ;

2.4 ປະສານສົມທົບກັບເຈົ້າຂອງໂຄງການຝ່າຍລາວ ໃນການກວດກາໜ້າວຽກກໍ່ສ້າງ, ລາຍງານຂະໜາດການຈັດຕັ້ງປະຕິບັດໂຄງການຕາມຂໍ້ກຳນົດຂອງຂໍ້ຕົກລົງສະບັບນີ້;

2.5 ປະສານສົມທົບກັບເຈົ້າຂອງໂຄງການຝ່າຍລາວປະເມີນຜົນ; ມອບໂຄງການໃຫ້ເຈົ້າຂອງໂຄງການຝ່າຍລາວຄຸ້ມຄອງ, ນຳໃຊ້ ແລະດຳເນີນວຽກງານບໍລິໂລຍະຄ້ຳປະກັນໂຄງການຕາມການຕົກລົງຂອງສອງຝ່າຍ;

ເອກະສານຊັອນທ້າຍ III

ແບບຟອມເອກະສານໂຄງການສະເໜັບສະໝຸນດ້ານວິຊາການ

I. ຂໍ້ມູນພື້ນຖານຂອງໂຄງການ

1. ຊື່ໂຄງການ
2. ເຈົ້າຂອງໂຄງການ
3. ໄລຍະເວລາໃນການຈັດຕັ້ງປະຕິບັດໂຄງການ
4. ສະຖານທີ່ກໍ່ສ້າງໂຄງການ

II. ຄວາມເປັນມາແລະຄວາມຈຳເປັນຂອງໂຄງການ

1. ໂຄງການຕ້ອງແທດເໝາະ ແລະ ປະກອບສ່ວນເຂົ້າໃນຍຸດທະສາດ, ແຜນພັດທະນາເສດຖະກິດ - ສັງຄົມຂອງລາວ, ການພັດທະນາຂອງຂະແໜງການ ແລະ ທ້ອງຖິ່ນ. ພ້ອມທັງ, ປະກອບສ່ວນເຂົ້າໃນສາຍພົວພັນລະຫວ່າງຫວຽດນາມ ແລະ ລາວ.
2. ຄວາມກ່ຽວພັນເຖິງແຜນງານ, ໂຄງການອື່ນ ເພື່ອສາມາດຊ່ວຍແກ້ໄຂບັນຫາທີ່ຕິດພັນໄດ້.
3. ຄວາມຈຳເປັນຂອງໂຄງການ (ນຳສະເໜີບັນຫາທີ່ຕ້ອງການແກ້ໄຂໃນຂອບເຂດຂອງໂຄງການ)

III. ຂໍ້ມູນພື້ນຖານໃນການສະເໜີຂໍນຳໃຊ້ທຶນຊ່ວຍເຫຼືອໃຫ້ແກ່ສປປລາວ

IV. ຈຸດປະສົງຂອງໂຄງການ

ນຳສະເໜີຈຸດປະສົງລວມ ແລະ ສະເພາະຂອງໂຄງການ

V. ອະທິບາຍໂຄງການ

ອົງປະກອບ,ກິດຈະກຳຫຼັກ, ປະເມີນຄວາມອາດສາມາດຕົວຈິງໃນການຈັດຕັ້ງປະຕິບັດ ແລະ ຜົນໄດ້ຮັບຕົ້ນຕໍຂອງໂຄງການໃຫ້ແກ່ຝ່າຍລາວ,.

VI. ເປົ້າໝາຍໄດ້ຮັບຜົນປະໂຫຍດຈາກໂຄງການ

ໃຫ້ລະບຸຊັດເຈນເປົ້າໝາຍທີ່ຈະໄດ້ຮັບຜົນປະໂຫຍດຫາງກົງ ແລະທາງອ້ອມຈາກໂຄງການ

VII. ແຜນການປະຕິບັດ, ການຕິດຕາມແລະປະເມີນຜົນ

1. ແຜນການຜັນຂະຫຍາຍບັນດາກິດຈະກຳລ່ວງໜ້າ (ຖ້າມີ)
2. ແຜນປະຕິບັດການທັງໝົດ ແລະ ແຜນການລະອຽດໃນປີທຳອິດ
3. ແຜນການຕິດຕາມ ແລະ ປະເມີນຜົນໂຄງການ

VIII. ຄຸ້ມຄອງການຈັດຕັ້ງປະຕິບັດໂຄງການ

ໃຫ້ລະບຸຊັດເຈນຮູບແບບການຄຸ້ມຄອງການຈັດຕັ້ງປະຕິບັດ, ກົນໄກການປະສານງານລະຫວ່າງຫຸກພາກສ່ວນທີ່ເຂົ້າຮ່ວມກະກຽມ, ຈັດຕັ້ງປະຕິບັດແລະຄຸ້ມຄອງໂຄງການ. ພ້ອມທັງ, ບົກໃຫ້ເຫັນຄວາມອາດໃນການຄຸ້ມຄອງການຈັດຕັ້ງປະຕິບັດໂຄງການຂອງເຈົ້າຂອງໂຄງການ.

IX. ມູນຄ່າທັງໝົດຂອງໂຄງການເກຳນົດມູນຄ່າທຶນໃນແຕ່ລະອົງປະກອບ, ພາກລາຍຈ່າຍຂອງໂຄງການປະກອບມີຈາກ : ທຶນຊ່ວຍເຫຼືອຂອງຫວຽດນາມ ແລະທຶນສົມທົບຂອງຝ່າຍລາວ.

ເອກະລານຊ້ອນທ້າຍ IV (a)
ແບບຟອມລາຍງານສະພາບການຈັດຕັ້ງປະຕິບັດໂຄງການ(6 ເດືອນ/ປີ)

I. ຂໍ້ມູນພື້ນຖານໂຄງການ

1. ຊື່ໂຄງການ
2. ເຈົ້າຂອງໂຄງການຝ່າຍຫວງຄນາມ
3. ໄລຍະໃນການຈັດຕັ້ງປະຕິບັດໂຄງການ
4. ຈຸດປະສົງໂຄງການ
5. ຜົນໄດ້ຮັບຕົ້ນຕໍ

II. ສະພາບການຈັດຕັ້ງປະຕິບັດໂຄງການ

1. ຄວາມຄືບໜ້າໃນການຈັດຕັ້ງປະຕິບັດໂຄງການ
2. ສະພາບການເບີກຖອນເງິນ (ຫົນຊ່ວຍເຫຼືອ, ຫົນສົມທົບ)

III. ປະເມີນຜົນການຈັດຕັ້ງປະຕິບັດໂຄງການ

1. ຜົນສຳເລັດທີ່ໄດ້ຮັບ
2. ບັນຫາແລະຂໍ້ຄົງຄ້າງ

IV. ຂໍ້ສະເໜີຂອງເຈົ້າຂອງໂຄງການ

V. **ເອກະສານຊ້ອນທ້າຍ IV (b)s ບົດລາຍງານການເບີກຖອນທຶນຊ່ວຍເຫຼືອ**

(ຫົວໜ່ວຍ: ຜັນດົງຫວງດນານ)

ຜາກສ່ວນ ຈັດຕັ້ງ ປະຕິບັດ	ຊື່ໂດງການ	ໄລຍະ ເວລາໃນ ການຈັດຕັ້ງ ປະຕິບັດ	ມູນຄ່າການ ລົງທຶນທັງ ໝົດທີ່ໄດ້ ຮັບການ ອະນຸມັດ	ຈຳນວນ ທຶນທັງ ໝົດທີ່ໄດ້ ຮັບການ ຈັດສັນ	ສະສົມທຶນ ຊ່ວຍເຫລືອ ທີ່ຖືກຈັດ ສັນໃຫ້ເປັນ ປີ.... (ປີ ກ່ອນປີລາຍ ງານ)	ສະສົມ ການເບີກ ຈ່າຍທຶນ ຊ່ວຍເຫຼືອ ຮອດວັນທີ 31/12/... (ປີກ່ອນປີ ຂອງປົດ ລາຍງານ)	ການຈັດ ທຶນ ຊ່ວຍເຫຼືອ ໃນປີ	ປະລິມານ ທີ່ປະຕິບັດ ໄດ້ນັບແຕ່ ວັນທີ 1/1... ຮອດ ວັນທີ....	ການເບີກ ຖອນນັບ ແຕ່ວັນທີ 1/1...ຮອດ ວັນທີ.....	ແຜນຄາດ ຄະເນປະລິ ມານຫ້າ ວງກທີ່ຈະ ສຳເລັດໃນ ປີ..... (ລາຍງານ ປະຈຳປີ)	ແຜນຄາດ ຄະເນເບີກ ຈ່າຍໃນປີ ..... (ປີທີ່ລາຍ ງານ)	ແຜນຄາດ ຄະເນການ ເບີກຈ່າຍ ທຶນ ຊ່ວຍເຫຼືອ ໃນປີຕໍ່ໄປ (ປີຕໍ່ໄປຖັດ ຈາກປີລາຍ ງານ)

1